Ký bởi: Cổng Thông tin-Giao tiếp điện tử Vĩnh Phúc
Email: congthongtin@vinhphuc.gov.vn

Công TTĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /2019/QĐ-UBND	*Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc

CỔNG THÔNG TIN GIAO TIẾP ĐIỆN TỬ
ĐẾN Số: 1762
Ngày: 4/9/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ - CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ - TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT - BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ - CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Công văn số 150/TTHĐND-TH ngày 12/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy định chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phami vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Báo cáo số 57/BC-STP ngày 25/3/2019 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 490/TTr-STC ngày 19/7/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc, bao gồm:

1. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Xây dựng (Phụ lục số 1).

2. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Tài nguyên và môi trường (Phụ lục số 2).

3. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Văn hóa, thể thao, du lịch (Phụ lục số 3).

4. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Khoa học công nghệ (Phụ lục số 4).

5. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Nông nghiệp & PTNT (Phụ lục số 5).

6. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Giao thông (Phụ lục số 6).

7. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Thông tin truyền thông (Phụ lục số 7).

8. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng Đài Phát thanh truyền hình tỉnh (Phụ lục số 8).

9. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực khác (Phụ lục số 9).

10. Chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng cấp huyện (Phụ lục số 10).

Điều 2. Đối với danh mục thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác chuyên môn ngành Y tế (thiết bị Y tế), Giáo dục và Đào tạo (thiết bị dạy học tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học cơ sở, trung học phổ thông; thiết bị thuộc các trường: Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc, Cao đẳng kinh tế kỹ thuật, Cao đẳng Vĩnh Phúc, Trung cấp Y tế, Trung cấp văn hóa nghệ thuật và các Trung tâm giáo dục thường xuyên trong tỉnh) căn cứ nhu cầu thực tế và nguồn kinh phí đảm bảo, được trang bị phù hợp với quy định của Bộ, ngành có liên quan và phân cấp của HĐND tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công.

Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có thể căn cứ quy định tại Quyết định này để xây dựng quy định chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho tổ chức mình phù hợp với Điều lệ và thực tiễn hoạt động.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Thẩm quyền quyết định trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng: Thực hiện theo phân cấp của HĐND tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Nguồn kinh phí trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng: Trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và các nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng phải căn cứ vào khả năng cân đối nguồn kinh phí và lộ trình phù hợp, đồng thời phải phù hợp với các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được gửi cơ quan Kho bạc nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02/9/2019, thay thế Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 và Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Duy Thành

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính (thay b/c);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch;
- UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Cổng TTGTĐT tỉnh;
- CV NCTH ;
- Lưu: VT, KT3.

(H 66 b)

PHỤ LỤC SỐ 1:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG NGÀNH XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hộp/hệ thống

STT	Tên tài sản - Chủng loại hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
A	**VĂN PHÒNG SỞ**		
1	Máy vi tính cấu hình cao, chạy ứng dụng phần mềm chuyên ngành, bản vẽ quy hoạch	03	
2	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ trình chiếu bản vẽ quy hoạch (Phòng Quy hoạch kiến trúc, Hạ tầng, Thanh tra)	03	
3	Máy in mầu A3 NBP	01	
4	Máy phô tô tốc độ cao	01	
5	Máy scan màu A4 hai mặt tự động	01	
6	Thước cặp điện tử	03	
7	Panme điện tử đo ngoài	03	
8	Máy khoan bê tông điện dùng pin và mũi khoan	01	
9	Máy siêu âm cốt thép	01	
10	Búa Kiểm tra cường độ Bê tông hiện trường	01	
11	Kính soi vết nứt bê tông	01	
12	Thiết bị kiểm tra vữa	01	
13	Máy khoan mẫu bê tông átphan	01	
14	Thiết bị đo điện trở R	01	
15	Thước lăn đo chiều dài đường	02	
16	Ống nhòm đo khoảng cách	01	
17	Máy ảnh có chức năng quay phim	01	
B	**VIỆN QUY HOẠCH**		
1	Máy toàn đạc điện tử	07	
2	Máy thủy chuẩn tự động C320	02	
3	Máy định vị toàn cầu (GPS) một tần số (X20B)	08	
4	Máy định vị toàn cầu (GNSS) hai tần số (X91)	05	
5	Máy định vị GPS cầm tay	06	
6	Máy khoan УКБ 12-25	02	

7	Máy khoan XY-1A-4	02	
8	Bộ thí nghiệm cắt cánh hiện trường	01	
9	Bộ thiết bị thí nghiệm đo mô đun đàn hồi bằng cần Belkenman	01	
10	Máy pho to copy A0	05	
11	Máy pho to copy A4 tốc độ cao	03	
12	Máy in màu A0	05	
13	Máy in màu A4	10	
14	Máy in A3	10	
15	Máy chiếu chuyên dụng	03	
16	Máy Scan màu	02	
17	Máy tính để bàn tốc độ cao phục vụ công tác chuyên môn chạy ứng dụng phần mềm chuyên ngành, bản vẽ quy hoạch.	03	
18	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ trình chiếu bản vẽ quy hoạch	03	
C	**CHI CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG**		
1	Bộ thiết bị khảo sát độ gồ ghề mặt đường	01	
2	Máy tính để bàn tốc độ cao phục vụ công tác chuyên môn chạy ứng dụng phần mềm chuyên ngành, bản vẽ quy hoạch.	01	
3	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ trình chiếu bản vẽ quy hoạch	01	
4	Máy in mầu A3 NBP	01	
5	Máy phô tô tốc độc cao	01	
6	Máy scan màu A4 hai mặt tự động	01	
D	**TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG**		
1	Bộ thiết bị và dụng cụ kiểm tra, thí nghiệm về vật liệu gỗ	01	
2	Bộ máy thử độ bền va đập theo phương pháp con lắc	01	
3	Bộ Máy siêu âm khuyết tật kim loại và mối hàn	01	
4	Máy thử độ thấm nước của bê tông	01	
5	Máy kinh vĩ điện tử kết hợp thông tầng laze	01	
6	Máy đo mài mòn của bê tông	01	
7	Máy kiểm tra hàm lượng bọt khí của bê tông	01	
8	Hệ thống máy nén ba trục tự động	01	

9	Máy khoan bê tông điện dùng pin và mũi khoan	01	
10	Máy cắt thép Kunwoo KMC-25H	01	
11	Bộ thí nghiệm xác định co ngót bê tông	01	
12	Thí nghiệm CBR/Marshall trong phòng thí nghiệm với khung chịu tải	01	
13	Máy khoan lấy mẫu bê tông	01	
14	Máy đầm mẫu CBR/proctor tự động	01	
15	Máy siêu âm cốt thép	01	
16	Máy siêu âm kiểm tra khuyết tật bê tông	01	
17	Thiết bị thí nghiệm xác định độ thấm của bê tông ngoài hiện trường bằng phương pháp không phá hủy	01	
18	Thiết bị kiểm tra sự không đồng nhất của cọc	01	
19	Bàn thí nghiệm + ghế thí nghiệm	10	
20	Bộ Thiết bị và dụng cụ kiểm tra, thí nghiệm về vật liệu gỗ	01	
21	Bộ Thiết bị thí nghiệm biến dạng nhỏ	01	
22	Bộ Thiết bị kiểm tra ống cống	01	
23	Máy đo đa năng về kính xây dựng và kính dùng trong kiến trúc	01	
24	Bộ thiết bị kiểm tra gạch men, gốm sứ, gạch lát nền, vỉa hè	01	
25	Búa kiểm tra cường độ bê tông hiện trường	01	
26	Máy kiểm tra độ bám dính theo phương pháp nhổ giật	01	
27	Máy kéo (cho vật liệu á kim), nén hiển thị ra máy tính	01	
28	Bộ thiết bị kiểm tra độ ẩm và độ chặt đất ngoài hiện trường bằng phương pháp không sử dụng nguồn phóng xạ	01	
29	Máy nén bê tông 3000 KN	01	
30	Kính soi vết nứt bê tông	01	
31	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương - Việt Nam bằng nhựa	30	
32	Bộ thiết bị thí nghiệm đầm chặt tiêu chuẩn của đất	01	
33	Bộ thiết bị Thí nghiệm CBR trong phòng của đất	01	
34	Bộ thí nghiệm tỷ trọng	01	
35	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy dẻo Atterberg	01	
36	Bộ thí nghiệm xác định thành phần hạt	01	
37	Bộ thí nghiệm xác định tính chống cắt và mài mòn của đất	01	

38	Bộ thí nghiệm xác định dung trọng hiện trường	01	
39	Bộ thí nghiệm xác định độ ẩm của hiện trường	01	
40	Bộ thí nghiệm cơ lý xi măng	01	
41	Bộ thí nghiệm cơ lý cát xây dựng	01	
42	Bộ thí nghiệm cơ lý đá dăm, sỏi xây dựng	01	
43	Bộ thí nghiệm độ mài mòn	01	
44	Bộ thí nghiệm cơ lý bê tông và hỗn hợp bê tông	01	
45	Bộ thí nghiệm Độ sụt	01	
46	Bộ thí nghiệm hút phương pháp ly tâm	01	
47	Bộ thí nghiệm độ kim lún của nhựa	01	
48	Bộ thí nghiệm trọng lượng riêng của cát liệu thô	01	
49	Bộ thí nghiệm trọng lượng cốt liệu mịn	01	
50	Bộ thí nghiệm lượng khí trong hỗn hợp	01	
51	Nhiệt kế kim loại	01	
52	Bộ thiết bị thí nghiệm Marshall	01	
53	Máy kéo vạn năng 30T	01	
54	Bộ thiết bị kiểm tra vữa	01	
55	Bộ thiết bị kiểm tra bê tông nhẹ	01	
56	Bộ máy kiểm tra định vị cốt thép và các phụ kiện	01	
57	Tủ sấy Menmét 1810	01	
58	Cân Tadenwert 12kg/1g	01	
59	Bộ sàng tiêu chuẩn 12 sàng nắp và đáy	01	
60	Bộ thí nghiệm và kiểm tra Xm (Bàn dằn, bay, chảo, Vica, nồi hấp điện)	01	
61	Bàn dùng mẫu thí nghiệm	01	
62	Khớp nối định vị cốt thép	01	
63	Khuôn mẫu các loại	01	
64	Máy kéo thép 50T	01	
65	Cần Benkeman kiểm tra độ võng đường	01	
66	Bộ ép tĩnh kiểm tra đường	01	
67	Máy thử độ bền nén ARR 1500	01	

68	Máy kiểm tra độ dầm chặt TROXLER	01	
69	Súng bắn bê tông	01	
70	Máy khoan mẫu bê tông átphan	01	
71	Thiết bị đo điện trở R	01	
72	Máy siêu âm bêtông TICO	01	
73	Máy ép bêtông TIE 2000	01	
74	Máy khoan XY-1 + Phụ kiện	01	
75	Máy khoan UKB + Phụ kiện	01	
76	Máy toàn đạc điện tử SET 510	03	
77	Máy đo GPS HUC	04	
78	Máy thủy chuẩn điện tử	02	
79	Máy in màu khổ lớn A0	02	
80	Máy Comnav T300 và phụ kiện kèm theo	02	
81	Máy phô to khổ lớn A2,A1,A0	02	
82	Máy tính để bàn tốc độ cao phục vụ công tác chuyên môn chạy ứng dụng phần mềm chuyên ngành, bản vẽ quy hoạch.	03	
83	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ trình chiếu bản vẽ quy hoạch	03	

PHỤ LỤC SỐ 2:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hộp/hệ thống

STT	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
I	**Văn phòng Sở**		
1	Máy vi tính để bàn cấu hình cao, chạy ứng dụng phần mềm chuyên ngành, đo vẽ bản đồ, kỹ thuật	02	
2	Máy ghi âm	01	
3	Máy phô tô tốc độ cao	01	
4	Camera chuyên dụng	01	
5	Máy GPS cầm tay	04	
6	Máy toàn đạc điện tử	01	
7	Máy GPS 2 tần	01	
8	Máy ảnh (Có chức năng quay phim)	01	
9	Ống nhòm đo khoảng cách	01	
10	Máy tính xách tay cấu hình cao	02	
11	Máy Scan màu A4 2 mặt tự động	01	
12	Thuyền	25	
13	Ca nô vận tốc cao	05	
14	Máy đo khoảng cách	25	
15	Máy GPS cầm tay (có độ chính xác 5-14m)	60	
16	Máy đo độ sâu cầm tay	02	
17	Thiết bị âm thanh hội trường (loa, đài, âm ly, mic không dây, míc có dây tại các bàn trong hội trường…)	01	
18	Máy in A3	02	
II	**Chi cục Bảo vệ Môi trường**		
1	Máy ảnh	03	
2	Máy tính xách tay cấu hình cao	02	
3	Máy quay	03	
5	Loa toàn giải, loa nén	01	
6	Máy in màu chuyên dụng	01	
7	Máy Scan chuyên dùng	01	
9	Module phân tích khí NO/NO2/Nox/NH3	03	
10	Module phân tích khí SO2	03	
11	Module phân tích H2S	03	
12	Module phân tích CO	03	
13	Module phân tích O3	03	
14	Module phân tích VOC	03	
15	Module đo bụi	03	

16	Bộ pha loãng khí cho hiệu chuẩn các module phân tích khí	03	
17	Bộ sinh khí Zero	03	
18	Bộ bình khí chuẩn và van giảm áp	03	
19	Bộ phận bảo vệ sự ảnh hưởng của thời tiết và bức xạ nhiệt	03	
20	Bộ đo hướng gió và tốc độ gió	03	
21	Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm không khí	03	
22	Cột lắp các thiết bị đo khí tượng	03	
23	Bộ thu và xử lý các số liệu khí tượng và các phụ kiện đi cùng với trạm	03	
24	Bộ DataLogger thu và xử lý số liệu	03	
25	Phần mềm thu thập, quản lý và lưu giữ số liệu tại trạm	03	
26	Máy tính để bàn cấu hình cao	06	
27	Container chuyên dụng để thiết bị	01	
28	Hệ thống chống sét cho trạm	03	
29	Hệ thống thông gió	03	
30	Hệ thống báo cháy, báo khói	03	
32	Bộ các phụ kiện lắp ráp, kiểm tra và hoàn thiện cho trạm	03	
33	Hệ thống lấy mẫu khí	03	
34	Hệ thống lấy mẫu bụi cung cấp đồng bộ với modul	03	
35	Bộ lưu điện	03	
36	Bộ truyền tín hiệu trạm quan trắc nước thải	03	
37	Modul đo PH	03	
38	Modul đo ô xy hòa tan	03	
39	Modul đo COD	03	
40	Modul đo TSS	03	
41	Hệ thống làm sạch tự động cho các đầu đo: pH, DO	03	
42	Thiết bị lấy mẫu nước tự động và bảo quản lạnh	03	
43	Module đo lưu lượng kênh hở	03	
44	Module đo độ màu	03	
45	Tủ điện thép chống nước để ngoài trời	03	
46	Hệ thống truyền dữ liệu và điều khiển tại trạm	03	
47	Camera giám sát nguồn thải	03	
48	Hệ thống máy chủ + màn hình theo dõi, bảo vệ toàn bộ các trạm	02	

	quan trắc trên địa bàn tỉnh		
49	Máy in chuyên dụng	03	
50	Điều hòa cho trạm quan trắc	12	
51	Ổn áp Lioa	03	
52	Module đo amoni và nitorat	02	
53	Module đo COD + TSS	02	
54	Máy nén khí tại trạm khí	03	
III	**Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường**		
1	Máy vi tính để bàn cấu hình cao, chạy ứng dụng các phần mềm chuyên dụng (Đo vẽ bản đồ, vẽ kỹ thuật...)	02	
2	Máy GPS (Máy định vị)	06	
3	Máy GPS-RTK	05	
4	Máy in Ao	01	
5	Máy phôtô Ao	01	
6	Máy toàn đạc điện tử	15	
7	Máy khoan địa chất	01	
8	Tủ sấy vật liệu	01	
9	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande	01	
10	Tỷ trọng kế loại B dùng cho đất cát	05	
11	Máy cắt đất 2 tốc độ	01	
12	Máy nén cố kết không nở hông (Áp thấp)	01	
13	Máy đầm tự động	01	
14	Bộ thí nghiệm xác định hệ số thấm bằng cột áp không đổi	01	
15	Bộ thí nghiệm xác định hệ số thấm bằng cột áp	01	
16	Bộ thí nghiệm thành phần hạt	01	
17	Schlumberger mini Diver: Đo mực nước trong lỗ khoan	01	
18	Schlumberger Baro Diver: Đo áp suất không khí lỗ khoan	01	
19	Bơm chìm Grundfos 5,5Kw và hộp điều khiển	01	
20	Máy phát điện 5.5kW	01	
21	Máy đo độ dẫn điện cầm tay	01	
22	Điện cực đo độ dẫn (mua kèm theo)	01	

23	Máy đo độ đục cầm tay	01	
24	Thước đo mực nước dưới đất cầm tay	01	
IV	**Chi cục quản lý đất đai**		
1	Máy phô tô tốc độ cao	01	
2	Máy in A3	01	
V	**Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường**		
1	Máy quét màu A3	01	
2	Máy quay video	01	
3	Máy chụp ảnh	02	
4	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
5	Máy in phun màu A3	01	
7	Máy scan A0	01	
8	Máy quét A3	02	
9	Máy in A3	01	
10	Máy in bản đồ A0	01	
11	Máy photo Ao	01	
12	Máy đo GPS (RTK)	01	
13	Máy toàn đạc điện tử	01	
VI	**Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường**		
1	Tủ sấy	02	
2	Máy hút ẩm	05	
3	Tủ hút khí độc	03	
4	Quang phổ kế UV-VIS	02	
5	Bộ phá mẫu COD	02	
6	Máy lắc đất	02	
7	Tủ bảo quản mẫu	04	
8	Lò phá mẫu vi sóng	01	
9	Lò nung	01	
10	Bể điều nhiệt	01	
11	Bồn rửa siêu âm	02	
12	Nồi hấp thanh trùng	02	

13	Tủ BOD	01	
14	Cân điện phân tích	03	
15	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	01	
16	Máy cất nước 2 lần	01	
17	Máy quay cất chân không	01	
18	Hệ thống phân tích đạm	01	
19	Thiết bị chiết Soxhlet	01	
20	Thiết bị co nito	01	
21	Máy đo DO để bàn	01	
22	Máy khuấy từ gia nhiệt	02	
23	Thiết bị phân tích vi sinh	01	
24	Tủ cấy vô trùng	02	
25	Máy đo pH để bàn	02	
26	Tủ ấm vi sinh	01	
27	Tủ ấm nuôi cấy vi sinh vật	01	
28	Nồi khử trùng	01	
29	Bơm chân không	01	
30	Máy đo độ ồn	02	
31	Máy đo độ rung	02	
32	Bơm chân không kiểu màng	02	
33	Máy lấy mẫu bụi lơ lửng lưu lượng lớn	10	
34	Thiết bị định vị toàn cầu 72	02	
35	Bộ lấy mẫu đất	02	
36	Bộ lấy mẫu trầm tích	02	
37	Thiết bị lấy mẫu động vật phù du	02	
38	Bộ đo vi khí hậu	02	
39	Bơm lấy mẫu khí CO, SO2, NO2	05	
40	Máy đo nước đa chỉ tiêu	02	
41	Máy đo khí độc	02	
42	Máy lấy mẫu bụi và khí thải theo Isokenetic	02	
43	Tủ bảo quản mẫu hiện trường	02	

44	Thiết bị lấy mẫu theo tầng	04	
45	Máy đo lưu lượng dòng chảy	02	
46	Máy đo nước đa chỉ tiêu	03	
47	Thiết bị đo nồng độ khí độc trong không khí	02	
48	Thiết bị đo nồng độ khí thải	02	
49	Máy sắc ký GC/MS	01	
50	Máy ICP/MS	01	
51	Máy tính xách tay đi hiện trường	02	
52	Bộ khoan lấy mẫu Chất thải rắn	02	
53	Bộ cất phenol	01	
54	Bộ cất Cyanua	01	
55	Máy ly tâm	01	
56	Máy in màu A3	01	
57	Máy Phô tô tốc độ cao	01	
58	**Máy lắc Vorter**	02	
59	**Thiết bị phân tích TOC**	02	
VII	**Văn phòng đăng ký đất đai**		
1	Máy định vị GPS	08	
2	Máy scan chuyên dùng A3	11	
3	Máy scan chuyên dùng A4	11	
4	Máy scaner A0	01	
5	Máy in A0	01	
6	Máy pho to A0	01	
7	Máy toàn đạc điện tử	12	
8	Máy đo GPS hai tần	10	
9	Máy ảnh tích hợp GPS	10	
10	Máy in A3	20	

PHỤ LỤC SỐ 3:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG NGÀNH VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: mét/chiếc/cái/bộ/hộp/hệ thống

Số TT	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
I	**Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch**		
1	Máy đo độ PH , tiêu chuẩn nước bể bơi.	01	
2	Máy đo nhanh nước thải	01	
3	Máy đo độ bụi không khí, chất lượng không khí	01	
4	Máy ghi âm.	01	
5	Máy ghi hình.	01	
6	Máy ảnh.	01	
7	Máy in cầm tay.	01	
8	Máy tính xách tay.	01	
9	Thước laze.	01	
10	Máy đo độ ồn	01	
11	Máy đo cường độ ánh sáng.	01	
12	Máy scan	01	
13	Hệ thống âm thanh hội trường	01	
14	Máy chiếu	01	
II	**Trung tâm phát hành Phim và Chiếu bóng**		
1	***Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Rạp***		
	Máy chiếu kỹ thuật số 2K	01	
	Máy chiếu kỹ thuật số	04	
	Đầu phát 4K	01	
	Màn ảnh điện	01	
	Bộ âm thanh máy chiếu kỹ thuật số 2K	01	
	Máy vi tính	02	
2	***Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác chiếu phim lưu động***		
	Máy tính xách tay	02	
	Âm ly	02	
	Máy chiếu kỹ thuật số Full HD	02	
	Đầu phát 4K	04	
	Tăng âm	04	

	Đầu DVD	04	
	Loa thùng	08	
	Loa nén	04	
	Giá đỡ loa	08	
	Dây loa	150	
	Micro không dây	04	
	Máy phát điện công suất 5KW	04	
	Bộ giá di động để máy chiếu kỹ thuật số phục vụ công tác chiếu phim lưu động	02	
	Dây điện nguồn	150	
	Ổ cứng	02	
	Phông chiếu	02	
	Bộ cọc phông sắt	02	
	Bộ đồ điện: Bút điện, kìm, tuavit...	02	
III	**Thư viện Tỉnh**		
	Máy chủ, thiết bị mạng		
	Máy chủ CSDL	01	
	Máy chủ ứng dụng	01	
	Bộ lưu điện cho máy chủ	01	
	Hệ thống lưu trữ SAL	01	
	SWith Trung tâm	01	
	Thiết bị bảo mật(Firewall)	01	
	Tủ Rack	01	
	Thiết bị giám sát		
	Camera thân cố định	02	
	Camera màu gắn trần hồng ngoại	05	
	Camera lắp tại các phòng	05	
	Bàn điều khiển camera	01	
	Đầu ghi và chia hình KTS	01	
	Màn hình hiển thị camera	01	
	Máy móc, thiết bị khác		
	Máy hút bụi	02	
	Máy hút ẩm	03	
	Máy xén giấy	01	
	Cổng từ hai lối đi	01	
	Máy nạp/khử từ cho sách	02	
	Máy in mã vạch	02	
	Máy kiểm kê kho	03	
	Đầu đọc mã vạch	03	
	Máy in thẻ nhựa	01	
IV	**Đoàn nghệ thuật ca múa nhạc**		

1	**Thiết bị âm thanh phục vụ biểu diễn và các phụ kiện kèm theo**		
	Hệ thống Ampifier (cho hệ thống loa toàn giải, loa siêu trầm, loa cho dàn nhạc,...)	17	
	Bộ phân chia tần cho hệ số	02	
	Mixer bàn trộn âm thanh	06	
	Tủ chứa thiết bị	04	
	Tủ chứa Mixer chuyên dụng	03	
	Hệ thống loa (Array 3way, siêu trầm kép, toàn giải, kiểm tra sân khấu,...)	64	
	Giá đỡ loa	03	
	Máy tính xách tay và phần mềm bản quyền xử lý và quản lý hiển thị các thông số loa	01	
	Đầu phát CD chuyên nghiệp	01	
	Đầu ghi đọc CD chuyên nghiệp	01	
	Đầu phát MD chuyên nghiệp	01	
	Micro không dây đơn (Tay cầm 20, cài ve áo chuyên hát 15)	35	
	Bộ khuyếch đại sóng cho Anten	02	
	Bộ chia Anten cho Micro	02	
	Nguồn cho bộ chia Anten	02	
	Bộ anten thu sóng UHF	02	
	Micro có dây		
	Micro Super-Cardioid Stage	03	
	Micro Cardioid Reporter's Dynamic Handheld	03	
	Chân Microphone	04	
	Micro cho nhạc cụ		
	Micro cho nhạc cụ biểu diễn không dây	05	
	Micro cho nhạc cụ có dây	05	
	Micro cho trống biểu diễn	10	
	Chân Microphone	20	
2	**Ánh sáng**		
	Bàn điều khiển cho moving và par led, par64	03	
	Máy tạo khói	04	
	Máy khói lạnh (Cái)	02	

	Bộ chia và khuếch đại tín hiệu	02	
	Công suất cho đèn	02	
	Đèn Par (dạng sợi đốt)	34	
	Bóng đèn led par light - full màu	70	
	Đèn led par nhuộm màu	22	
	Moving led light - full màu	30	
	Đèn kỹ xảo moving Beam	28	
	Đèn Follow (đặc tả)	02	
	Đèn chiếu trời tổ chức lễ hội	04	
	Bộ phụ kiện lắp đặt hệ thống (Bộ)	01	
3	***Giàn không gian***		
	Giàn không gian sân khấu hợp kim nhôm	01	
	Bộ sân khấu sơn tĩnh điện ngoài trời	01	
4	***Nhạc cụ***		
	Đàn tranh	02	
	Đàn bầu	02	
	Đàn GhitaBass	01	
	Đàn Ghi ta Solo	01	
	Đàn Ghi ta Accor	01	
	Đàn Nhị	02	
	Đàn Tam thập lục	02	
	Đàn Ky Boord chuyên dụng	02	
	Trống dân tộc loại đại	01	
	Trống da	01	
	Trống dân tộc loại trung (5 chiếc 1 bộ)	01	
	Bộ sáo trúc các loại	01	
	Đàn Organ	02	
	Đàn dương cầm nằm	01	
	Đàn piano đứng	03	
	Tam tam	01	
	Đàn Tơ rưng	01	
	Đàn Đinh Pá	01	

	Micro các loại	80	
	Sound Card thu âm	01	
	Bộ chia tần số	01	
	Thiết bị chống hú	04	
	Thiết bị tạo tiếng vang	03	
	Tai nghe kiểm âm phòng thu	04	
	Thiết bị lọc tần số âm thanh	01	
	Bộ phụ kiện	01	
	Loa line array 2 way liền công suất.	16	
	Loa Sub 18inch liền công suất.	08	
	Pat treo loa chuyên dụng của JBL treo lên khung - Frame for VRX932 system.	02	
	Tủ nguồn JBL	01	
	Loa monifor tích hợp Ampli.	04	
	Am li 2in 6out, chia dải tần cho loa.	01	
	Mixer kỹ thuật số.	01	
	Bộ tạo hiệu ứng vang.	01	
	Micro không dây Shure.	06	
	Chân Micro	04	
	Tủ máy, tủ đựng bàn Mixer	05	
	Ổn áp LIOA	03	
	Hòm đựng thiết bị	02	
	Giàn giá đỡ loa	01	
5	***Trang thiết bị ánh sáng sân khấu***		
	Bàn điều khiển ánh sáng	04	
	08 Công suất đèn	08	
	Máy tạo khói	03	
	01 bộ Bàn điều khiển Lighting Console.	01	
	Đèn Moving Headbeam.	40	
	Đèn Par led.	54	
	Đèn Led mặt LED COB.	12	
	Bass treo đèn Moving Head + Cùm treo đèn	40	
	Tủ kỹ thuật, CP điện công tác - Đồng hồ đo điện, đèn báo hiệu, 6 ngõ ra Cp50A, 1CP 3 pha	02	
	Hộp gỗ đựng đèn và Mixer đèn	50	
	Phụ kiện	01	
	Đèn LED ánh sáng vàng + đèn LED nhuộm màu	90	
	Bộ chia và khuếch đại tín hiệu	02	
	Đèn MOVING LED LIGHT - FULL màu	30	
	Đèn POLLO	02	
	Đèn chiếu trời	04	
	Chân đèn	04	
	Tủ máy	02	

	Hộp đựng bàn điều khiển	03	
	Hộp đựng đèn MOVING	30	
	Hộp đựng đèn PAR và đèn LED	10	
6	**Nhạc cụ, trang thiết bị cho dàn nhạc**		
	Các loại đàn, nhạc cụ	40	
	Trống	35	
	Micro + chân Micro cho dàn nhạc	16	
VII	**TT HUẤN LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO**		
	Máy móc, thiết bị phục vụ luyện tập và thi đấu		
1	**Bắn súng**		
	Súng trường thể thao và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	12	
	Súng trường hơi và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	12	
	Súng ngắn bắn nhanh và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	10	
	Súng ngắn hơi và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	12	
	Súng ngắn ổ quay và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	06	
	Súng ngắn bắn chậm và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	06	
	Máy nén khí	01	
	Máy ngắm các loại súng	10	
	Máy bia cơ 10m, 25m, 50m	20	
	Máy bia điện tử 10m, 25m, 50m	20	
	Máy bắn đĩa bay	05	
	Súng bắn đĩa bay	09	
	Thảm tiêu chuẩn thi đấu Pencaksilat	02	
	Bao đấm Pencaksilat	06	
	Thảm tiêu chuẩn thi đấu Karatedo	02	
	Bao đấm Karatedo	06	
	Thảm taolu tiêu chuẩn thi đấu Wushu	02	
	Đài tán thủ tiêu chuẩn thi đấu Wushu	02	
	Bao đấm Wushu	06	
	Thảm tiêu chuẩn thi đấu Vật	02	
	Máy hút bụi Nhà thi đấu	01	
	Máy đánh sàn Nhà thi đấu	01	
2	**Bắn cung**		
	Bộ Cung thi đấu (Báng cung, cánh cung, cần thăng bằng, giá đỡ cung, đẩy tên, tấm kêu, chống dung, thước ngắm, chân cung, dây cung)	10	
3	**Quần vợt**		
	Máy bắn bóng	02	
4	**Xe đạp**		
	Xe đạp địa hình tập luyện, thi đấu và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	10	
	Xe đạp đường trường tập luyện, thi đấu và trang thiết bị phụ kiện	10	

	Đàn Nguyệt	01	
	Dàn Trống Âu lạc 5 chiếc	01	
V	**Trung tâm Văn hóa tỉnh**		
	Hệ thống âm thanh + ánh sáng biểu diễn ngoài trời		
1	**Thiết bị âm thanh**		
	Bàn Mixer kỹ thuật số cho âm thanh	01	
	Loa siêu trầm (bass)	04	
	Loa toàn giải (full)	08	
	Loa toàn giải treo sân khấu (line aray)	06	
	Loa kiểm tra sân khấu đơn (Monitor)	02	
	Khuyếch đại công suất cho loa siêu trầm	04	
	Khuyếch đại công suất cho loa toàn giải	08	
	Khuyếch đại công suất cho loa kiểm tra sân khấu	02	
	Micro không dây cầm tay cho ca sĩ	16	
	Micro cài áo cho ca sĩ	10	
	Micro chuyên dùng cho dàn nhạc	12	
	Thiết bị cân chỉnh tần số EQ	02	
	Thiết bị tạo hiệu ứng âm thanh ECHO	02	
	Đầu DVD	01	
	Hộp Cap line	02	
	Thiết bị lọc âm thanh Kỹ thuật số	01	
2	**Thiết bị ánh sáng**		
	Bàn Mixer kỹ thuật số cho ánh sáng	01	
	Đèn moving	20	
	Đèn Par led	50	
	Đèn chiếu Par	20	
	Đèn kỹ xảo ánh sáng màu	10	
	Đèn kỹ xảo Folow đặc tả diễn viên	02	
	Máy tạo khói	02	
	Thiết bị chia tần số (CT)	01	
	Bàn mixer điều khiển đèn moving (MX)	02	
	Bàn mixer điều khiển đèn par led	02	

	Tủ đựng công suất âm thanh chuyên dụng	02	
	Tủ đựng công suất ánh sáng chuyên dụng	01	
	Tủ đựng đèn moving	20	
	Tủ đựng đèn Par Led	05	
	Tủ điện Lioa	01	
	Chân đèn Par	04	
	Chân đèn Par Led	06	
	Đàn organ	02	
3	Bộ sân khấu sơn tĩnh điện biểu diễn ngoài trời diên tích 80m^2	01	
4	Giàn không gian treo thiết bị âm thanh, ánh sáng biểu diễn	01	
5	Máy phát điện công suất lớn	01	
6	Máy ảnh chuyên dụng	01	
7	Máy vi tính thiết kế đồ họa	03	
VI	**Nhà hát Chèo**		
1	**Máy phát điện**	01	
2	**Bộ Sân khấu di động**		
	Sân khấu di động	01	
	Bậc tam cấp sân khấu lắp ghép di động	04	
	Thảm trải sân khấu (phù hợp với diện tích sân khấu)	02	
4	***Hệ thống âm thanh sân khấu***		
	Amplifler	03	
	Bàn điều khiển;	01	
	Bàn Mixer	02	
	Bàn trộn	02	
	Bộ Micro dành cho trống	01	
	Bộ nén âm thanh	01	
	Bộ Preamps phòng thu	01	
	Bộ tạo hiệu quả tiếng ca	01	
	Bộ công suất loa	05	
	Contronler	02	
	Hộp tiếng phòng thu	02	
	Bộ làm Effect Master	02	
	bộ khuyếch đại công suất	08	
	Loa các loa	42	
	Bộ lọc tín hiệu	01	
	Bộ chia phone 6 kênh	01	

	kèm theo		
5	**Đua thuyền**		
	Thuyền tập luyện thi đấu C1	10	
	Thuyền tập luyện thi đấu C2	10	
	Thuyền tập luyện thi đấu C4	03	
	Xuồng máy	01	
	Trang thiết bị thể thao phục vụ bộ môn đua thuyền (chiếc mái chèo;...)	18	
6	Máy chạy bộ điện	03	
7	Bộ máy tập cơ	20	
8	Bộ tạ tập thể lực	20	
9	**Bóng chuyền**		
	Trang thiết bị phục vụ cho bộ môn bóng chuyền (đồng bộ thảm, cột lưới,...)	01	
	Trang thiết bị thể thao phục vụ bộ môn bóng chuyền (xe đẩy bóng,...)	02	
10	**Cử tạ**		
	Bộ tạ tiêu chuẩn thi đấu	03	
	Âm thanh Nhà thi đấu		
	Cabinet rack - TOA	01	
	Blower unit -TOA	01	
	Moniter panel -TOA	01	
	Emergency remote cotrol panel - TOA	01	
	Junction panel -TOA	01	
	Pre- Amplier Panel -TOA	01	
	Chime unit TOA	01	
	Paging Microphone -TOA	01	
	CD&Cassetes deck -JEIL	01	
	Remote microphone-TOA	01	
	Power Amplier -TOA	03	
	Bộ micro cầm tay UHF-TOA	03	
	Colum speaker -TOA	18	
	Ceiling speaker (3W)-TOA	44	
	Horn speaker -TOA	06	
	Attenuator -TOA	15	
	3-size blank panel -TOA	01	

	1 size peorrated panel-TOA	06	
	2-size blank panel-TOA	02	
	Assemble, tets, commissioning	01	
	Âm thanh di động		
	Mixer soundcrat	01	
	Công suất spirit	02	
	Công suất MH 7200	02	
	Loa thùng siêu trầm JBL	02	
	Loa toàn giải JBL	04	
	Bộ xử lý tín hiệu DBX	01	
	Equalizer DBX	01	
	Bộ Echo Yamaha	01	
	Micro không dây Shure	01	
	Cục công suất Yamaha XP 3500	01	
	Loa thùng Yamaha 250	02	
	Micro không dây AKG WMS 40	02	
	Thiết bị Điện		
	Tủ điện ATS chuyển nguồn thừ điện lưới sang máy phát điện và ngược lại	01	
	Máy phát điện 800KVA	01	
	Điều hòa tổng	10	
	Bóng đèn phục vụ thi đấu	52	
	Bóng đèn phục vụ thi đấu dự phòng	24	
	Bóng đèn truyền hình	21	
	Bảng điện tử	01	
	Dụng cụ thi đấu		
	Ghế trọng tài cầu lông	08	
	Bàn bóng bàn	02	
	Bàn bóng bàn T2123	02	
	Bộ bóng chuyền cố định Senoh tiêu chuẩn FIVB	01	
	Ghế trọng tài BC Senoh	01	
	Cọc cầu lông	04	
	Thang nâng di động để thay bóng đèn thi đấu	01	
	Bộ sân khấu di động sơn tĩnh điện	01	

VIII	**TRƯỜNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC THỂ THAO**		
	Máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên môn		
1	**Bắn súng**		
	Súng trường hơi và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	18	
	Súng ngắn hơi và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	18	
	Súng trường thể thao và trang thiết bị phụ kiện kèm theo	03	
	Máy bia cơ 10m, 25m, 50m	10	
	Máy nén khí	01	
	Ống kính xem bia	02	
2	**Bóng bàn**		
	Máy bắn bóng	04	
3	**Quần vợt**		
	Máy bắn bóng	04	
4	**Bóng chuyền**		
	Trang thiết bị phục vụ cho bộ môn bóng chuyền (đồng bộ thảm, cột lưới,...)	02	
	Xe đẩy bóng	02	
5	**Máy tập thể lực chung cho học sinh, vận động viên**		
	Máy tập các nhóm cơ đa chức năng 360°	07	
	Bộ dàn tập đa năng thể lực	06	
	Ghế tập đa năng	25	
	Máy chạy	05	
	Bộ tạ tiêu chuẩn	05	
6	**Cầu lông**		
	Máy bắn cầu	02	
7	**Vật**		
	Bộ tạ tiêu chuẩn	02	
8	**Điền kinh**		
	Bộ rào tiêu chuẩn	02	
	Bảo Tàng tỉnh		
1	Camera HD-TVI hình trụ hồng ngoại	29	
2	Camera quay	02	
3	Điều hòa treo tường, công suất 18000 BTU	17	
4	Tăng âm loa đài tuyên truyền: Micro không dây, Micro chân	01	
5	Máy ảnh Canon	01	

6	Máy hút ẩm	04	
7	Máy chiếu phục vụ trưng bày lưu động	01	
8	Máy hút bụi vệ sinh bảo quản hiện vật	02	
9	Loa, micro chuyên dụng phục vụ cho thuyết minh viên	04	
	Trung tâm thông tin và xúc tiến Du lịch		
	Máy ảnh độ phân giải lớn Gồm cả ống kính	02	
	Máy chiếu	01	
	Máy vi tính cấu hình cao có thể làm được clip ngắn phục vụ cho trang web	01	
	Máy quay plycam	01	
	Ti vi màn hình phẳng 65in	01	
	Đầu đĩa	01	

Ghi chú:

1. Đối với lĩnh vực Văn hóa: Các loại dây cáp nguồn, dây tín hiệu, Jac cắm, jac nối vv... Không thuộc danh mục máy móc, thiết bị do vậy không quy định trong danh mục này

2. Đối với lĩnh vực TDTT: Các loại thảm (Taolu, thảm tiêu chuẩn thi đấu vv...), bệ bia, ống kính xem điểm trạm, bộ giá đỡ + bao tập luyện, bộ quần áo đồng phục, giầy, găng tay... của các môn; Bộ tên, bóng tennis, đĩa bay, bóng chuyền, đạn các loại, đài tán thủ, người nộm, rào luyện tập, không thuộc danh mục máy móc, thiết bị do vậy không quy định trong danh mục này

PHỤ LỤC SỐ 4:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG NGÀNH KHOA HỌC VÀ CN

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hộp/hệ thống

TT	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
I	**Văn phòng Sở**		
I.1	*Thanh tra Sở*		
1	Máy kiểm tra nhanh chỉ số octan xăng	01	
2	Máy kiểm tra nhanh chất lượng vàng (loại cầm tay)	01	
3	Bộ cân điện tử để kiểm tra hàng đóng gói sẵn	01	
4	Thiết bị kiểm tra độ dầy của tôn	01	
I.2	*Phòng quản lý công nghệ và thị trường công nghệ*		
1	Hệ đo Radon trong đất, nước và không khí.	01	
2	Hệ đo suất liều bức xạ Gamma, bêta, alpha có cáp đo xa.	01	
3	Hệ phổ kế Gamma hiện trường.	01	
4	Máy đo nhiễm bẩn Alpha, Bêta bề mặt.	01	
5	Liều kế cá nhân hiện số theo thời gian thực	05	
6	Máy đo tia gammar cảnh báo xuất liều bức xạ xách tay	01	
7	Máy đo tia gammar cảnh báo xuất liều bức xạ xách tay	01	
8	Bộ đọc liều EPD Mk2 + Phần mềm	01	
9	Máy nhận diện nguồn phóng xạ và đo liều	01	
10	Quần-áo-mũ-kính-yếm-Găng tay chì và mặt nạ phòng độc	05	
12	Buồng chì chứa nguồn phóng xạ	01	
13	Máy đo suất liều IdentiFINDER	01	
14	Máy kiểm tra nhiễm bẩn cơ thể	01	
III	**Chi cục TCĐLCL**		
1	Cân bàn điện tử đối chứng (Max 60Kg)	01	
2	Cân bàn điện tử đối chứng (Max 15Kg)	02	
3	Bộ đồ gá căn mẫu	01	
4	Mặt phẳng chuẩn	01	
5	Bộ căn mẫu sóng phẳng	01	
6	Thiết bị chuẩn độ cứng cầm tay	01	

7	Bộ tấm chuẩn độ cứng HRA, HRB, HRC, HV10, HV30, HBW10/3000	01	
8	Thiết bị siêu âm đo chiều dày lớp phủ	01	
9	Thiết bị đo độ bám dính màng sơn	01	
10	Bộ xích chuẩn kiểm định cân bằng tải	01	
11	Bộ thiết bị tháo, lắp (01 bộ lục giác, 01 bút thử điện, 01 kìm điện, 01 mỏ lết, 01 bộ tô vít) Phụ trợ	01	
12	Thiết bị kiểm tra nhanh cetane trong dầu Diesel và octane trong xăng	01	
13	Thiết bị kiểm tra xăng (cũ)	01	
14	Thiết bị hiệu chuẩn áp suất dải thấp	01	
15	Bộ hiệu chuẩn áp suất cầm tay	01	
16	Nguồn áp suất (Bơm tạo áp)	01	
17	Thiết bị huỳnh quang tia X lưu động kiểm tra tuổi vàng	01	
18	Thiết bị đo khúc xạ mắt	01	
19	Thiết bị đo tiêu cự kính thuốc	01	
20	Lò nhiệt độ cao chuẩn	02	
21	Bộ chỉ thị nhiệt độ chính xác cao	01	
22	Nhiệt kế điện trở chuẩn	01	
23	Thiết bị hiệu chuẩn xử lý đa năng	01	
24	Lò nhiệt dải thấp	01	
25	Lò nhiệt dải trung	01	
26	Đồng hồ vạn năng	01	
27	Đo chiều dài đường rò, khe hở không khí	01	
28	Thiết bị đo dòng điện rò	01	
29	Thiết bị đo điện trở cách điện	01	
30	Thiết bị kiểm tra công tơ 1 pha cầm tay	01	
31	Thiết bị kiểm tra công tơ 3 pha trên lưới	01	
32	Thiết bị hiệu chuẩn đa năng	01	
33	Thiết bị thử độ bề điện áp	01	
34	Thiết bị đo công suất	01	
35	Thiết bị thử độ bền, chọc thủng-Sử dụng côn rơi	01	
36	Thiết bị thử đồ chơi hình người	01	

37	Thiết bị thử độ sắc cạnh	01	
38	Thiết bị thử tính rò rỉ của đồ chơi chứa chất lỏng	01	
39	Thiết bị đồng bộ kiểm tra chất lượng xăng, dầu	01	
40	Thiết bị đồng bộ kiểm tra chất lượng mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy	01	
41	Thiết bị đồng bộ kiểm tra chất lượng đồ chơi trẻ em	01	
42	Thiết bị đồng bộ kiểm tra về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử	01	
43	Thiết bị đồng bộ kiểm tra tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng	01	
44	Thiết bị đồng bộ kiểm tra chất lượng thép; thép làm cốt bê tông và thép nhập khẩu cho sản xuất công nghiệp	01	
45	Thiết bị kiểm tra nhanh chất lượng vàng trực tiếp tại hiện trường	01	
46	Thiết bị đồng bộ kiểm tra về mã số mã vạch sử dụng trên nhãn sản phẩm.	01	
47	Thiết bị đồng bộ để kiểm định phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông	01	
48	Thiết bị cẩu tự hành phục vụ kiểm định cân ô tô đến 120 tấn	01	
49	Thiết bị đồng bộ kiểm định cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	01	
50	Thiết bị đồng bộ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh kiểu cơ khí đường kính đến 25 mm	01	
51	Thiết bị đồng bộ kiểm định đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử đường kính đến 25 mm	01	
52	Thiết bị đồng bộ kiểm tra nhanh Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, điện tử trực tiếp tại hiện trường	01	
53	Thiết bị đồng bộ kiểm định Bể đong cố định đến $30m^3$	01	
54	Thiết bị đồng bộ kiểm định Áp kế điện tử	01	
55	Thiết bị đồng bộ kiểm định Áp kế lò xo trên 700bar	01	
56	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	01	
57	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới	01	
58	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo nồng độ SO_2, CO_2, CO, NO_x trong không khí	01	
59	Thiết bị đồng bộ kiểm định Biến dòng đo lường	01	
60	Thiết bị đồng bộ kiểm định Biến áp đo lường	01	

61	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo độ ồn	01	
62	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo độ rung động	01	
63	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo độ dọi	01	
64	Bộ thiết bị kiểm định phương tiện đo tiêu cự kính mắt lưu động	01	
65	Thiết bị đồng bộ kiểm định, kiểm tra máy đo tần số, thiết bị tính cước điện thoại.	01	
66	Thiết bị đồng bộ kiểm định, kiểm tra trạm quan trắc môi trường cố định và lưu động	01	
67	Thiết bị đồng bộ kiểm định Dao mổ điện trong y tế	01	
68	Thiết bị đồng bộ kiểm định Lồng ấp trẻ sơ sinh trong y tế	01	
69	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy thở trong y tế	01	
70	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy theo dõi bệnh nhân trong y tế	01	
71	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy nội soi trong y tế	01	
72	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy siêu âm trong y tế	01	
73	Thiết bị đồng bộ kiểm định buồng ô xi cao áp trong y tế	01	
74	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy đo độ loãng xương trong y tế	01	
75	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy đo thính lực trong y tế	01	
76	Thiết bị đồng bộ kiểm định nhiệt ẩm kế trong y tế	01	
77	Thiết bị đồng bộ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị máy truyền dịch/tiêm điện	01	
IV	**Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN**		
1	Tủ sấy	02	
2	Kính hiển vi hai mắt	01	
3	Máy đo PH	01	
4	Máy đo cường độ ánh sáng	01	
5	Máy lắc	02	
6	Tủ cấy vi sinh	01	
7	Tủ lạnh âm sâu -20°C	01	
8	Nồi hấp khử trùng	01	
9	Máy rửa chai lọ	01	
10	Máy cất nước hai lần	01	
11	Máy ly tâm	01	
12	Lò vi sóng	01	

13	Tủ sấy dụng cụ	01	
14	Máy đo PH meter	01	
15	Kính hiển vi quang học + Chụp ảnh	01	
16	Bể rửa siêu âm	01	
17	Máy khuấy từ gia nhiệt	01	
18	Máy đóng bao bì	01	
19	Máy nghiền	01	
20	Lò hấp bịch nấm	01	
21	Hệ thống lò hơi	01	
22	Dây truyền máy đóng bịch nấm	01	
23	Máy cất nước 1 lần	01	
24	Pipet man (dùng để lấy môi trường)	02	
25	Dây truyền sản xuất rượu	01	
26	Bồn lên men vi sinh 1500 lít	01	
V	**Trung tâm thông tin KHCN và tin học**		
1	Máy quay Sony XDCAM EX	01	
2	Máy ảnh Canon	01	
3	Máy ảnh Cannon	01	
4	Máy số hóa tài liệu	01	
VI	**Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng**		
1	Thiết bị kiểm định công tơ 1 pha di động Ccx 0,2%	02	
2	Thiết bị kiểm định điện tử công tơ 1 fa và 3fa. I max = 100A (0.2)	02	
3	Bàn kiểm CT 3pha điện tử Max =30A (0.1)	01	
4	Bộ KĐ công tơ 1 pha cơ khí lưu động (kèm 01 ct 1 pha); I max = 50A và Imax = 10A (0.5)	02	
5	Thiết bị kiểm định công tơ điện tử lưu động 1 pha 3 vị trí	02	
6	Hộp điện trở chuẩn $10^7 \div 10^8\Omega$ (0.1)	01	
7	Hộp điện trở chuẩn $10^6\Omega$ (0.02)	01	
8	Hộp điện trở chuẩn cao $10^9 \div 10^{12}\Omega$ (0.1)	01	
9	Hộp điện trở chuẩn $0 \div 10^4\Omega$ (0.05)	01	
10	Hộp điện trở chuẩn $0.1 \div 10^3\Omega$	01	
11	Hộp điện trở chuẩn $0 \div 100\Omega$ (1)	01	

12	Hộp điện trở chuẩn 700mA ÷ 2.2A	01	
13	Megomet. 10000V	01	
14	Bộ nhiệt kế và Ampe kế hiện số 600A	01	
15	Biến áp tự ngẫu 1-250V; 10A ÷ 2.5kvA	01	
16	Máy thử cao áp 3KV	01	
17	TB thử độ bền cách điện 5kvA	02	
18	Mêgôm mét đo điện trở cách điện	01	
19	Hệ thống kiểm định biến dũng và biến áp đo lường	01	
20	Bộ (bơm cao AP+chuẩn) Đến 700 bar (0.025)	01	
21	Bàn kiểm huyết áp kế cơ khí 50 ÷ 300 tor (0.2)	01	
22	Bàn tạo áp suất Đến 500 bar	02	
23	Bộ thiết bị kiểm định đồng hồ áp suất	02	
24	Thiết bị tạo chân không	01	
25	Áp kê chuẩn 0 ÷ 100 bar (0.6)	01	
26	Áp kế chuẩn 0 ÷ 60bar(0.6)	01	
27	Áp kế chuẩn 0 ÷ 600 bar (0.6)	01	
28	Áp kế chuẩn 0 ÷ 40 bar (0.6)	01	
29	Áp kế chuẩn 0 ÷ 250 bar (0.6)	01	
30	Áp kế chuẩn 0 ÷ 400 bar (0.6)	01	
31	Áp kế chuẩn 0 ÷ 6bar (0.6)	01	
32	Áp kế chuẩn 0 ÷ 10 bar (0.5)	01	
33	Áp kế chuẩn 0 ÷ 1,586 bar (0.4)	01	
34	Áp kế chuẩn 0 ÷ 160 bar (0.6)	01	
35	Áp kế chuẩn 0 ÷ 4 bar (0.4)	01	
36	Áp kế chuẩn -1 ÷ 0 bar (0.4)	01	
37	Áp kế chuẩn 0 ÷ 2.5 bar (0.4)	01	
38	Áp kế chuẩn 0 ÷ 25 bar (0.5)	01	
39	Thiết bị đồng bộ kiểm định Áp kế điện tử	01	
40	Áp kế piston chuẩn cấp chính xác đến 0.015%	01	
41	Áp kế piston chuẩn áp suất thủy lực cấp chính xác cao 0.015%	01	
42	Bộ thiết bị chuẩn áp suất thủy lực điện tử cấp chính xác cao đến 0,025	01	
43	Thiết bị đồng bộ kiểm định Áp kế lò xo trên 700bar	01	

44	Thiết bị tạo lực kiểm định cân quá tải xách tay	01	
45	Bộ kiểm tra tách khí	01	
46	Bộ thiết bị kiểm định đồng hồ nước lạnh (đường kính công tơ nước 15-50 mm, cấp A, B, C)	02	
47	Thiết bị kiểm định kiểm tra đồng hồ nước lưu động	02	
48	Thiết bị đồng bộ kiểm định Bể đong cố định đến 30m3 (Bộ thiết bị đo bể bằng phương pháp hình học)	01	
49	Thiết bị kiểm định máy đo điện tim	01	
50	Thiết bị kiểm định máy đo điện não	01	
51	Thiết bị chuẩn để kiểm định PTĐ tiêu cự kính mắt lưu động	01	
52	Thiết bị kiểm định Taximet	01	
53	Nguồn chuẩn nhiệt lỏng	01	
54	Nguồn chuẩn nhiệt khô	02	
55	Lò bức xạ vật đen và bộ điều khiển nhiệt độ	01	
56	Thiết bị đo nhiệt độ Đến: 1700°C	01	
57	Thiết bị đồng bộ để kiểm định phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông	01	
58	Hệ thống thiết bị kiểm định phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	01	
59	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo nồng độ SO_2, CO_2, CO, NO_x trong không khí	01	
60	Hệ thống kiểm định biến dòng và biến áp đo lường	01	
61	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo độ ồn	01	
62	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo độ rung động	01	
63	Thiết bị đồng bộ kiểm định Phương tiện đo độ dọi	01	
64	Thiết bị đồng bộ kiểm định, kiểm tra máy đo tần số, thiết bị tính cước điện thoại.	01	
65	Thiết bị đồng bộ kiểm định Dao mổ điện trong y tế	01	
66	Thiết bị đồng bộ kiểm định Lồng ấp trẻ sơ sinh trong y tế	01	
67	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy thở trong y tế	01	
68	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy theo dõi bệnh nhân trong y tế	01	
69	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy nội soi trong y tế	01	
70	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy siêu âm trong y tế	01	
71	Thiết bị đo công suất siêu âm của các thiết bị siêu âm chuẩn	01	

	đoán hoặc điều trị		
72	Thiết bị đồng bộ kiểm định buồng ô xi cao áp trong y tế	01	
73	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy đo độ loãng xương trong y tế	01	
74	Thiết bị đồng bộ kiểm định máy đo thính lực trong y tế	01	
75	Thiết bị đồng bộ kiểm định nhiệt ẩm kế trong y tế	01	
76	Thiết bị đồng bộ kiểm tra nhanh chất lượng xăng, dầu	01	
77	Thiết bị kiểm tra hàm lượng Lưu huỳnh trong xăng dầu bằng phổ huỳnh quang tia X	01	
78	Bộ nguồn chuẩn alpha, bêta, gamma	03	
79	Mẫu chuẩn Uran, Thori, Kali, Cs	04	
80	Hệ đo hoạt độ tổng Alpha-Bêta phông thấp	01	
81	Máy đo lưu lượng khí theo thời gian	01	
82	Bộ kiểm định máy X-quang trong y tế	01	
83	Thiết bị đo suất liều bức xạ cầm tay	02	
84	Máy đo giám sát phóng xạ với buồng ion có cửa sổ Bêta	01	
85	Phantom kiểm tra chất lượng hình ảnh máy CT	01	
86	Máy phân tích khí thải	01	
87	Máy đo độ nhớt của dầu nhiên liệu và dầu bôi trơn	01	
88	Thiết bị đo chất lượng điện năng	01	
89	Máy đo độ ồn	01	
90	Máy đo độ rung	01	
91	Máy đo độ PH, TDS, độ mặn	01	
92	Bộ phần mềm tích hợp giải pháp tiết kiệm năng lượng	01	
93	Thiết bị kiểm tra tín hiệu và đánh giá biến tần	01	
94	Thiết bị đo khoảng cách	01	
95	Đồng hồ đo lưu lượng nước bằng siêu âm	01	
96	Đồng hồ đo lưu lượng nước bằng siêu âm	01	
97	Thiết bị đo tốc độ và áp suất gió	01	
98	Nhiệt kế hồng ngoại	02	
99	Hỏa kế quang học	01	
100	Thiết bị dò tìm chỗ rò rỉ khí và chất lỏng	01	
101	Thiết bị đánh giá đường ống dẫn khí.	01	
102	Máy chụp ảnh nhiệt	01	

103	Camera hồng ngoại	01	
104	Máy đo áp suất khí	01	
105	Thiết bị đo độ ẩm	01	
106	Máy ghi nhiệt độ, độ ẩm	01	
107	Tủ dưỡng mẫu xi măng	01	
108	Máy trộn xi măng	01	
109	Bàn dằn tạo mẫu xi măng	01	
110	Máy lắc sàng	01	
111	Máy kéo nén vạn năng và phụ kiện chọn thêm cho máy	01	
112	Máy nén xi măng và phụ kiện chọn thêm cho máy	01	
113	Máy cắt bê tông, gạch, đá	01	
114	Máy xác định độ mài mòn	02	
115	Bàn rung tạo mẫu bê tông	01	
116	Súng bắn bê tông kiểu bật nảy	02	
117	Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh T^0	01	
118	Thiết bị đo độ rung trọng (Phễu rót cát)	01	
119	Thiết bị thử độ lún nền đường (Cần Benkeman)	01	
120	Thiết bị, dụng cụ xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong PTN	01	
121	Thiết bị thử độ hút nước của ngói	01	
122	Máy mài nước	01	
123	Máy trộn rơi tự do Loại nhỏ *(150 lít)*	01	
124	Máy ly tâm chiết nhựa	01	
125	Máy đo khả năng chịu tải của nền đường	01	
126	Máy đo độ kéo dài của nhựa	01	
127	Máy ép mẫu	01	
128	Máy đo đọ kim lún nhựa đường tự động	01	
129	Máy cắt mẫu thép cầm tay	01	
130	Máy khoan bê tông (Mũi 75 mm)	01	
131	Bộ thử lún nền đường (Kích + giá đỡ)	01	
132	Máy thử uốn lại thép và Bộ phần mềm xử lý số liệu	02	
133	Máy cắt kim loại	01	
134	Bộ tạo mẫu Marshall tự động:	01	

135	Máy trộn bê tông nhựa:	01	
136	Bộ dụng cụ xác định hàm lượng Paraphin.	01	
137	Máy khoan lấy mẫu bê tông:	01	
138	Máy dò cốt thép trong bê tông:	01	
139	Máy siêu âm bê tông kết hợp với súng bật nẩy:	01	
140	Bộ thí nghiệm xác định giới hạn dẻo của đất:	01	
141	Máy đầm nén CBR	01	
142	Bộ thiết bị thí nghiệm CBR hiện trường	01	
143	Máy nén bê tông 3000KN:	01	
144	Bộ đầu búa uốn thép dùng cho máy kéo nén vạn năng	01	
145	Bộ khuôn nén dập trong xilanh 150mm	01	
146	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá/cát:	01	
147	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay	01	
148	Bộ chưng cất nước trong nhựa đường:	01	
149	Bộ chưng cất nhũ tương nhựa đường:	01	
150	Bộ thử độ bắt lửa của nhựa gia nhiệt bằng điện:	01	
151	Máy thí nghiệm hóa mềm tự động:	01	
152	Bộ trưng cất nhựa đường lỏng gia nhiệt bằng Gas:	01	
153	Bộ thí nghiệm độ nhớt	01	
154	Máy kiểm tra uốn thép thủy lực	01	
155	Máy dò và xác định đường kính cốt thép trong bê tông	01	
156	Thiết bị thử độ dai va đập kim loại hiển thị điện tử	01	
157	Bộ máy chuẩn bị mẫu thử độ dai va đập	01	
158	Thiết bị kiểm tra độ cứng đa năng của kim loại-hiển thị điện tử	01	
159	Thiết bị kiểm tra khuyết tật kim loại bằng siêu âm	01	
160	Bộ dụng cụ kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại bằng phương pháp từ tính	01	
161	Bộ hóa chất kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại bằng phương pháp thẩm thấu	01	
162	Thiết bị kiểm tra lực kéo bu lông bằng siêu âm	01	
163	Thiết bị kiểm tra lực căng kéo cáp thép thang máy, cầu trục	01	
164	Máy quang phổ phát xạ phân tích thành phần hóa học của vật liệu, thép	01	

165	Thiết bị kiểm tra bề dầy vật liệu bằng siêu âm công nghệ Triple Echo.	01	
166	Thiết bị xác định trị số octan trong xăng (Phương pháp kiểm tra nhanh bằng hồng ngoại)	01	
167	Máy sắc ký ion	01	
168	Tủ sấy	02	
169	Thiết bị xác định hàm lượng nước trong Dầu	01	
170	Thiết bị phá mẫu bằng vi sóng	01	
171	Bộ lưu điện	02	
172	Thiết bị đo độ nhớt động học	01	
173	Nồi hấp thanh trùng	02	
174	Thiết bị đo DO	01	
175	Thiết bị đo COD	01	
176	Thiết bị xác định TOC	01	
177	Thiết bị xác định trị số octan trong xăng kèm theo 01 bộ máy tính.	02	
178	Thiết bị đo nhiệt trị. Xác định nhiệt trị của các mẫu rắn và lỏng.	01	
179	Máy quang phổ HTNT kèm theo 01 bộ hóa hơi lạnh; 01 bộ hóa hơithủy ngân ; 01 bộ máy tính, máy in.	01	
180	Máy cất nước 1 lần	01	
181	Máy cất nước 2 lần	01	
182	Máy đo pH	01	
183	Kính hiển vi 3 mắt	02	
184	Triết quang kế	01	
185	Máy nghiền đa năng	01	
186	Máy quang phổ UV-VIS	02	
187	Bộ thiết bị thí nghiệm ăn mòn mảnh đồng trong xăng dầu	01	
188	Hệ thống máy sắc ký lỏng khối phổ	01	
189	Máy quang kế ngọn lửa	01	
190	Máy xác định nhiệt độ chớp cháy cốc kín	01	
191	Máy xác định nhiệt độ chớp cháy cốc hở	01	
192	Thiết bị xác định thành phần cất	01	
193	Thiết bị xác định hàm lượng nước trong Dầu	01	

194	Cân phân tích điện tử 0 - 810g	01	
195	Cân phân tích điện tử 0-210g	01	
196	Máy lắc	02	
197	Máy li tâm lạnh	01	
198	Máy cô đặc chân không	01	
199	Máy chuẩn độ điện thế tự động	02	
200	Tủ BOD (2-40 độ C)	02	
201	Thiết bị xác định hàm lượng Pb, S trong xăng (X-ray)+ bộ phần mềm xử lý số liệu	01	
202	Tủ hút khí độc	04	
203	Máy khuấy từ	01	
204	Lò nung	02	
205	Bộ dụng cụ lấy mẫu nước theo tiêu chuẩn	01	
206	Bể rửa siêu âm	01	
207	Bộ cất quay chân không	01	
208	Máy lắc nuôi cấy vi sinh ổn nhiệt	01	
209	Thiết bị lên men vi sinh	01	
210	Máy tuần hoàn nước lạnh (thiết bị phụ trợ)	01	
211	Tủ ổn nhiệt nuôi cấy vi sinh	01	
212	Máy nghiền mẫu	01	
213	Máy đếm khuẩn lạc	01	
214	Máy đo 5 chỉ tiêu nước	01	
215	Tủ cấy vi sinh vô trùng hồi lưu	01	
216	Thiết bị xác tổng Nito, Phốt pho	01	
217	Máy nén khí (thiết bị phụ trợ)	01	
218	Máy sinh khí Nito	01	
219	Máy bơm hút chân không	01	
220	Máy Quang phổ hấp thụ nguyên tử Hệ lò graphit	01	
221	Tủ bảo quản lạnh âm sâu (-20°c)	01	
222	Nồi hấp thanh trùng model CL-32L	02	
223	Đầu điện cực cho máy chuẩn độ điện thế	01	
224	Thiết bị xác định trị số octance trong xăng	01	
225	Thiết bị xác định độ nhớt động học	01	

226	Thiết bị xác định hàm lượng cặn cacbon trong xăng dầu	01	
227	Thiết bị xác định hàm lượng nhựa trong xăng	01	
228	Thiết bị xác định áp suất hơi (Phương pháp LPG)	01	
229	Thiết bị xác định hàm lượng cặn của khí ga hóa lỏng (LPG)	01	
230	Bộ phụ kiện xác định độ ăn mòn tấm đồng của khí ga hóa lỏng (LPG)	01	
231	Thiết bị xác định hàm lượng lưu huỳnh của khí ga hóa lỏng (LPG)	01	
232	Thiết bị xác định hàm lượng Hydro cac bon, oxy trong xăng dầu, khí ga hóa lỏng	01	
233	Thiết bị xác định độ ổn định oxy hóa trong xăng dầu	01	
234	Bộ thiết bị, dụng cụ lấy và chứa mẫu khí ga hóa lỏng	01	

Ghi chú: *Quả cân sai số, quả cân chuẩn các loại; Bộ cân chuẩn; Bình chuẩn các loại là dụng cụ đo lường không thuộc danh mục máy móc, thiết bị do vậy không quy định ở danh mục này.*

PHỤ LỤC SỐ 5:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: cái/chiếc/bộ/hộp/hệ thống

STT	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
I	**Văn phòng Sở**		
	Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác thanh tra		
1	Máy ảnh chuyên dụng (phục vụ công tác thanh tra chuyên ngành)	01	
2	Máy ghi âm (phục vụ công tác giải quyết đơn thư KNTC)	01	
3	Camera chuyên dụng	01	
4	Cân điện tử kiểm tra hàng đóng gói sẵn	01	
5	Máy tính xách tay cấu hình cao	02	
6	Máy in sách tay	02	
7	Thùng chia mẫu	01	
8	Tủ bảo quản mẫu	01	
9	Xiên lấy mẫu	03	
10	Máy đo khoảng cách điện tử	01	
11	Ổ cứng lưu giữ tài liệu	02	
12	Thiết bị âm thanh hội trường ((loa, đài, âm ly, mic không dây, míc có dây tại các bàn trong hội trường…)	01	
	Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác quản lý xây dựng công trình		
13	Máy in màu A3 NBP	01	
14	Máy phô tô tốc độ cao	01	
15	Máy scan màu A4 hai mặt tự động	01	
16	Thước cặp điện tử	01	
17	Máy khoan bê tông điện dùng pin và mũi khoan	01	
18	Máy siêu âm cốt thép	01	
19	Búa kiểm tra cường độ bê tông hiện trường	01	
20	Kính soi vết nứt bê tông	01	
21	Thiết bị kiểm tra vữa	01	
22	Máy khoan mẫu bê tông átphan	01	

23	Thước lăn đo chiều dài đường	01	
24	Ống nhòm đo khoảng cách	01	
25	Máy ảnh có chức năng quay phim	01	
26	Máy toàn đạc điện tử	01	
27	Máy thủy chuẩn tự động C 320	01	
28	Máy định vị GPS cầm tay	01	
29	Súng bắn bê tông	01	
30	Máy thủy chuẩn điện tử	01	
II	**Chi cục thủy sản**		
1	Máy đo NO2	01	
2	Máy đo NH3/NH4+	01	
3	Máy đo H2S	01	
4	Máy đo PH	01	
5	Máy phân tích COD	01	
III	**Chi cục Kiểm Lâm**		
1	Ống nhòm ban đêm	14	
2	Ống nhòm ban ngày	14	
3	Loa pin chữa cháy	20	
4	Máy cắt thực bì	16	
5	Máy Cưa xăng	20	
6	Máy thổi gió	21	
7	Máy định vị GPS	12	
8	Bộ đàm	20	
9	Máy phát điện	07	
10	Máy bơm chữa cháy	08	
11	Nhà bạt	07	
12	Quần áo AmiĂng	10	
13	La bàn	15	
14	Bi-đông đựng nước	300	
15	Mặt nạ PCCCR	100	
16	Mũ PCCCR	100	

17	Xe ô tô chuyên dụng phục vụ PCCC	08	
18	Xe mô tô chuyên dụng phục vụ PCCC	20	
IV	**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**		
1	Máy xay mẫu	01	
2	Máy ly tâm lạnh	01	
3	Máy siêu âm động vật	01	
4	Máy chụp X-quang động vật	01	
5	Máy xét nghiệm huyết học tự động cho các loại động vật	01	
6	Máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu tự động cho động vật	01	
7	Lò đốt rác thí nghiệm	01	
8	Máy hút ẩm	03	
9	Tủ bảo quản mẫu	02	
10	Túi hút khí độc	02	
V	**Chi cục thủy lợi**		
1	Máy thủy bình tự động	02	
2	Máy định vị cầm tay	01	
o	Máy kinh vĩ điện tử	01	
4	Máy hồi âm (đo độ sâu dưới nước)	02	
5	Máy ảnh	01	
6	Máy đo tốc độ và lưu lượng gió	01	
7	Lưu lượng kế	01	
8	Máy đo PH và nhiệt độ cầm tay	02	
9	Đồng hồ vạn năng	01	
10	Ampe kế	06	
11	Camera và mic tích hợp điều khiển từ xa	01	
12	Ti vi	03	
13	Loa	02	
14	Máy đo độ cao, khoảng cách, tọa độ (máy Toàn đạc)	01	
15	Máy quay camera	01	
16	Thùng đo mưa	20	
17	Cốc đo lượng mưa	20	

VI	**Trung tâm phát triển lâm nông nghiệp**		
1	Máy bơm tăng áp tự động có bình tích áp, công suất 1,5Kw	01	
2	Máy định vị Garmin GPS map	03	
3	Máy cưa xăng	02	
4	Máy đo chiều cao cây	01	
VII	**Trung tâm Thông tin nông nghiệp & PTNT**		
1	Máy quay phim chuyên dụng	01	
2	Máy ảnh chuyên dụng	01	
3	Máy ghi âm	02	
4	Tủ chống ẩm bảo quản máy ảnh, máy quay	01	
5	Máy Scan ảnh	01	
VIII	**Trung tâm giống vật nuôi**		
1	Máy đếm tinh trùng tự động	01	
2	Máy cất nước	01	
3	Tủ bảo ôn bảo quản tinh	01	
4	Tủ sấy khử trùng	01	
5	Máy chia liều tinh	01	
6	Máy phát điện	01	
7	Máy phun thuốc sát trùng	04	
8	Máy phun cao áp rửa chuồng	04	
9	Thiết bị lọc nước	01	
IX	**Trung tâm giống thủy sản**		
1	Hệ thống máy bơm nước (máy bơm nước 3 pha 4,5kw, máy mồi nước 3kw)	02	
2	Máy sục khí	10	
X	**Trung tâm giống cây trồng**		
1	Máy cấy 6 hàng Kubota NSUP68C	02	
2	Máy hút bụi Hiclean	02	
3	Máy vệ sinh công nghiệp HCC LEAL HC 460 B	01	
4	Máy gặt lúa Kubota DC 70	01	
5	Xe nâng Komatsu FD 25H-112T5 (3m) phục vụ nông nghiệp	01	

XI	**Trung tâm kiểm nghiệm chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp**		
1	Máy sắc ký lỏng ghép nối khối phổ 3 tứ cực	01	
2	Bộ quả cân chuẩn 1mg-500g F1	01	
3	Cân phân tích 4 số	08	
4	Cân kỹ thuật 2 số	08	
5	Máy lọc nước siêu sạch	01	
6	Máy cất nước 2 lần	01	
7	Lò vi sóng phá mẫu	02	
8	Tủ hút khí độc	06	
9	Tủ sấy chân không	04	
10	Tủ bảo quản mẫu	04	
11	Máy cô quay chân không	02	
12	Máy ly tâm lạnh	01	
13	Bể rửa siêu âm	02	
14	Bộ chiết pha rắn (bao gồm cột chiết SPE	01	
15	Bộ bơm mẫu tự động cho máy AAS 240FS & phụ kiện	01	
16	Máy xay mẫu	05	
17	Máy nghiền mẫu	04	
18	Máy đo thủy ngân	01	
19	Bếp phá mẫu 20 chỗ	01	
20	Detector huỳnh quang của HPLC	01	
21	Máy phân tích dầu trong nước	01	
22	Bộ bơm mẫu tự động cho máy 450-GC và phụ kiện	01	
23	Tủ ấm (22°C, 25C)	01	
24	Tủ ấm (30°C)	04	
25	Tủ ấm (35-37°C)	01	
26	Tủ ấm (42-44°C)	02	
27	Tủ ấm (50-60°C)	01	
28	Tủ lạnh âm sâu -80°C	01	
29	Tủ lạnh âm sâu -20°C	01	

30	Nồi hấp tiệt trùng	03	
31	Tủ sấy	03	
32	Máy dập mẫu	04	
33	Máy rót môi trường	01	
34	Thiết bị hút khí tự động	01	
35	Máy đếm khuẩn lạc tự động	02	
36	Máy pha loãng mẫu theo trọng lượng	01	
37	Máy phân bổ mẫu trên đĩa Petri	01	
38	Máy nhuộm khuẩn Gram	01	
39	Bộ lọc chân không	01	
40	Bể điều nhiệt	05	
41	Máy sấy khử trùng dụng cụ	02	
42	Tủ lạnh đựng mẫu (bảo quản mẫu)	06	
43	Máy đo PH môi trường	04	
44	Máy lắc Vortex	06	
45	Kính hiển vi 2 mắt	02	
46	Ẩm nhiệt kế	18	
47	Máy cất nước 2 lần	02	
48	Bể rửa siêu âm	03	
49	Thiết bị đốt que cấy	02	
50	Bàn phân tích	15	
51	Xe đẩy chứa dụng cụ phân tích	10	
52	Ổn áp Lioa	05	
53	Tủ ấm CO2	03	
54	Tủ cấy sinh học an toàn	01	
55	Tủ sấy thông gió	06	
56	Bàn soi có đèn và kính lúp	02	
57	Giá đặt mẫu có ngăn kéo	01	
58	Máy đo nhanh độ ẩm hạt	02	
59	Nhiệt kế được cấp chứng chỉ	01	
60	Bàn đặt cân phân tích	23	

61	Máy phun ẩm	01	
62	Tủ ấm phá ngủ	01	
63	Tủ sấy nhiệt độ ổn định	01	
64	Tủ sinh trưởng	01	
65	Thùng chia mẫu	01	
66	Xe đẩy mẫu	01	
67	Cân kỹ thuật (10-1g)	02	
68	Cân phân tích (10-1g)	01	
69	Cân phân tích (10-3g)	01	
70	Máy đếm hạt	01	
71	Máy kiểm tra độ thuần hạt giống	01	
72	Máy thổi hạt	01	
73	Sàng phân loại hạt và tạp chất	01	
74	Thùng chia mẫu dạng nón	01	
75	Máy ly tâm 5-7 ngàn vòng/phút	01	
76	Máy hút ẩm không khí	20	
77	Bàn phân tích đặt giữa phòng (chống axit, chống cháy kèm hệ thống điện, nước tự động)	08	
78	Bàn phân tích đặt sát tường (chống axit, chống cháy)	08	
79	Bếp cách cát	02	
80	Bếp cách thủy 12 lỗ	03	
81	Bếp phá mẫu	02	
82	Lò nung 1200 độ C	02	
83	Máy khuấy từ gia nhiệt	04	
84	Máy lắc	01	
85	Máy nghiền mẫu đất	01	
86	Máy nghiền mẫu thực vật	01	
87	Hệ thống lò Graphite GTA-120	01	
88	Máy cất đạm (ĐPB19.01;19.02;03.01;03.02;36.01;36.02)	01	
89	Máy chuẩn độ tự động	01	

90	Máy đo độ dẫn điện, độ mặn và nhiệt độ	01	
91	Máy đo độ đục	01	
92	Máy so màu Fluoride trong nước	01	
93	Hệ thống sắc ký khí GC	01	
94	Kính hiển vi quang học	01	
95	Máy đếm khuẩn lạc	02	
96	Máy quang kế ngọn lửa (Máy đo phát xạ K, Na, Ca)	01	
97	Máy trắc quang (So màu UV-VIS)	01	
98	Quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	01	
100	Máy lắc tròn 15kg	01	
101	Máy nghiền tinh	02	
102	Máy nghiền thô	04	
103	Máy rung Vortex	01	
104	Tủ đựng mẫu làm việc trong ngày	01	
105	Máy sắc ký lỏng cao áp HPLC phân tích axitamin	01	
106	Cân phân tích (10-2g)	02	
107	Cân phân tích (10-4g)	02	
108	Máy ly tâm tốc độ cao	03	
109	Hệ thống phân tích xơ 6 chỗ đồng bộ	01	
110	Hệ thống phân tích xơ chiết lạnh	01	
111	Máy khuấy từ ra nhiệt	01	
112	Máy phân tích chất béo	01	
113	Máy phân tích đạm	01	
114	Máy so mầu UV-VIS	01	
115	Tủ ấm lạnh (22^0C-25^0C)	01	
116	Bộ nhiệt kế đầu dò	05	
117	Tủ an toàn sinh học cấp 3	03	
118	Bộ đọc Elisa	01	
119	Tủ ấm lạnh lắc điện tử hiện số	01	
120	Cân phân tích 3 số có lồng kính	04	
121	Tủ nuôi yếm khí (có bình chứa CO2, thêm hộp nhựa cho đĩa	01	

	Petri)		
122	Máy đo độ ẩm hạt giống cây trồng	01	
123	Máy thổi khô bằng khí nitơ	01	
124	Cân phân tích 5 số	02	
125	Bộ lưu điện 10KVA/7KW	05	
126	Hệ khối phổ phát xạ plasma (ICP-MS)	01	
127	Sắc ký khí khối phổ GC/MS/MS	01	
128	Máy sinh khí Ni tơ	01	
129	Tủ lạnh bảo quản hóa chất	04	
130	Máy trộn mẫu	01	
131	Tủ ấm lạnh 300C	02	
132	Máy cất quay R-300	02	
133	Máy lọc nước siêu sạch (ion)	02	
134	Thiết bị gia nhiệt bằng điện cho cuvet thạch anh ETC 60 Electrothermal Temperature Controller	01	
135	Thiết bị gia nhiệt bằng điện cho cuvet thạch anh, khi phân tích As, Sb, Sn bằng phương pháp hydrua hóa	01	
136	Thiết bị cấp nguồn cho đèn UltrAA Lamp Control Module for 280 FS/240FS	01	
137	Tủ lạnh lưu mẫu (-30°C)	02	
138	Nồi hấp tiệt trùng (đứng)	02	
139	Máy dập mẫu (thêm túi đựng mẫu)	01	
140	Bộ lọc chân không (màng lọc vi khuẩn)	01	
141	Máy sấy khử trùng dụng cụ	04	
142	Thùng ổn nhiệt lấy mẫu hiện trường	05	
143	Tủ cấy an toàn sinh học cấp 2	03	
144	Tủ sấy dụng cụ	03	
145	Bàn soi UV	01	
146	Máy đo độ trắng	02	
147	Máy trưng cất quay	01	
148	Máy bơm chân không	02	
149	Máy đo quang phổ	02	
150	Thiết bị dùng để giảm áp suất	02	

151	Máy sàng tách tấm	02	
152	Thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm 2 cửa	01	
153	Phễu lọc Buchner	02	
154	Máy lắc đứng	02	
155	Máy lắc ngang	02	
156	Thiết bị đồng hóa Ultra – Turrax	02	
157	Bộ phân phối chân không	02	
158	Máy khuấy đũa	02	
159	Máy cô quay chân không	02	
160	Máy chiết rót môi trường	02	
161	Máy đo kích thước hạt	02	
XII	**Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT**		
1	Máy đo độ đục cầm tay	01	
2	Máy đo đa chỉ tiêu pH/độ dẫn/TDS/Nhiệt độ/Oxy hòa tan	01	
3	Máy đo nồng độ Clo dư hiện số Cầm tay	01	
4	Máy đo pH để bàn	01	
5	Máy đo độ đục để bàn	01	
6	Máy quang phổ đo chất lượng nước phòng thí nghiệm.	01	
7	Cân phân tích	01	
8	Cân Kỹ thuật	01	
9	Tủ sấy	01	
10	Tủ ấm điện tử hiện số	01	
11	Tủ bảo quản mẫu đo BOD	01	
12	Máy đo BOD	01	
13	Thiết bị phản ứng nhiệt phá mẫu đo COD	01	
14	Máy khuấy từ và gia nhiệt	01	
15	Máy cất nước 1 lần	01	
18	Bơm hút chân không	01	
19	Bộ lọc chân không	01	
21	Tủ cấy vi sinh 1.2M	01	
22	Bình hút ẩm không vòi	01	

23	Thiết bị dò khí độc cầm tay	01	
24	Kính hiển vi soi nổi	01	
25	Tủ hút khí độc	01	
26	Máy bơm nước sạch	05	
27	Máy bơm nước thô	05	
28	Máy bơm nước rò rỉ	05	
29	Máy bơm bùn	03	
30	Máy bơm nước rửa lọc	04	
31	Máy biến tần	05	
32	Khởi động mềm	03	
33	Cầu trục chạy điện 2 tấn, đường ray dài 12.9m	03	
34	Pa lăng xích 0,5 tấn	03	
35	Máy nén khí Q=550l/phút, H=10kg/cm2	04	
36	Bình áp lực 2m3	03	
37	Quạt thông gió làm mát 3600m3/h	03	
38	Thiết bị phát hiện clo rò rỉ	03	
39	Clorator 0-2 kg/h	06	
40	Injector 0-2 kg/h	06	
41	Máy biến áp 180KVA-10(22)/0,4kV Δ(Δ)/Y0-11(11)	05	
42	Máy trộn (2MC01, 2MC02)	04	
43	Máy phản ứng	06	
44	Máy cào nặn	04	
45	Lắp đặt biến tần 37kW-400V	04	
46	Lắp đặt biến tần 75kW-400V	03	
47	Bộ điều khiển PLC	06	
48	Máy gió Q=1040m3/h, H=6m	03	
49	Máy nén khí 550l/phút, H=10kg/cm2	03	
50	Bình áp lực 1,5m3	03	
51	Cầu trục chạy điện 3tấn, L=31,2m	03	
52	Thiết bị chuyển đổi tự động	03	
53	Thiết bị điều chỉnh chân không	04	

54	Thiết bị hấp thụ clo dư	04	
55	Bình Clo 500kg	06	
56	Bơm tăng áp cho Ejector	04	
57	Thiết bị dập clo rò rỉ	03	
58	Cân điện tử 2000KG	03	
59	Quạt hút khí clo dò rỉ	04	
61	Máy bơm định lượng phèn 0-5l/ph	04	
62	Máy khuấy phèn P=0,75kw	04	
63	Thùng chứa phèn	04	
64	Bình chống rung	04	
66	Pa lăng điện P= 1 tấn	03	
67	Bơm cap áp Q=2 m3/h, H=50m	04	
68	Thiết bị Clorator đồng bộ	03	
69	Máy bơm trục ngang	23	
70	Máy bơm chìm hố móng	12	
71	Máy bơm chìm giếng khoan	21	
72	Máy bơm Định lượng	24	
73	Bơm tăng áp	10	
74	Thiết bị chuyển đổi chân không dùng cho hệ clo công suất từ 0 - 4 Kg dùng bình clo 50kg	10	
75	Mặt nạ phòng độc Scott/USA	04	
XIII	**Ban QLDA nông nghiệp và PTNT**		
1	Máy toàn đạc điện tử	01	
2	Máy thủy bình	01	
3	Máy siêu âm đo độ sâu lòng sông (máy đo sâu hồi âm)	01	
4	Máy định vị GPS	01	

Ghi chú: *Bộ quả cân chuẩn các loại là dụng cụ đo lường không thuộc danh mục máy móc, thiết bị do vậy không quy định ở danh mục này.*

PHỤ LỤC SỐ 6:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hệ thống

STT	Tên tài sản	Số lượng	Ghi chú
I	**Văn phòng Sở**	03	
1	Máy chủ (server)	03	
2	Hệ điều hành máy chủ	03	
3	Hệ quản trị CSDL	06	
4	Thiết chuyển mạch (switch)	03	
5	Thiết bị tường lửa (firewall)	03	
6	Thiết bị định tuyến (router)	03	
7	Thiết bị cân bằng tải (Global Load Balancing)	03	
8	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ (SAN Switch)	03	
9	Thiết bị điều khiển lưu trữ (Controller)	01	
10	Thiết bị lưu trữ ngoài (Tape 2 Driver FC)	02	
11	Hệ thống thiết bị lưu trữ SAN (Controller, Enclosure, Ổ cứng…)	08	
12	Máy vi tính xách tay (laptop) (phục vụ quản trị hệ thống thông tin Giấy phép lái xe+Phục vụ công tác đi kiểm tra hiện trạng các CTGT và phục vụ công tác ứng dụng phần mền kế toán)	04	
13	Máy in GPLX (Bao gồm thiết bị in và thiết bị ép màng phủ bảo mật)	03	
14	Máy ảnh chuyên dụng phục vụ chụp ảnh tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đổi GPLX	03	
15	Hệ thống Phụ kiện phục vụ chụp ảnh tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đổi GPLX (Phông, chân đế máy ảnh, đèn chiếu sáng…)	03	
16	Bộ lưu điện >5KVA	02	
17	Camera chuyên dụng (hệ thống)	01	
18	Thiết bị lưu trữ dữ liệu camera chuyên dụng	01	
19	Hệ thống chống sét phòng máy chủ (hệ thống)	01	
20	Hệ thống phòng, chống cháy (Hệ thống)	01	
21	Máy hút bụi	01	
22	Máy hút ẩm	04	
23	Máy vi tính để bàn cấu hình cao ứng dụng phần mềm dự toán chuyên ngành, đo vẽ bản đồ, kỹ thuật	01	

24	Máy thủy bình	01	
25	Máy kinh vĩ	01	
26	Âm ly	01	
27	Đẩy công suất	02	
28	Loa Hội trường	02	
29	Loa siêu trầm	27	
30	Micro đại biểu	02	
31	Micro không dây	01	
32	Thiết bị tạo vang	01	
33	Máy photocoppy	01	
34	Máy scan	01	
35	Máy chiếu	01	
36	Thiết bị mạng Líksyn	01	
37	Tủ kỹ thuật Rack	02	
II	**Thanh tra giao thông**		
1	Bộ cân điện tử xách tay	10	
2	Máy ảnh	09	
3	Máy đo nồng độ cồn	07	
4	Máy tính để bàn	09	
5	Máy in	06	
6	Máy Fax	01	
7	Camera kỹ thuật số	07	
8	Bộ đàm và bộ xạc đàm	06	
9	Gậy kích điện	06	
10	Máy tính xách tay cấu hình cao	03	
11	Máy ghi âm	01	
12	Còi ủ	07	
13	Loa cầm tay	06	
14	Gậy chỉ huy giao thông có màu đen trắng, sơn phản quang (gậy gỗ hoặc gậy nhựa tổng hợp có đèn gắn pin)	22	
15	Cưa máy xách tay	06	
16	Còi	22	
17	Đèn pin	22	
18	Bộ Rào chắn di động (có phản quang cao 1,2m dài 1,5 m +chóp nón phản quang)	06	
III	**Trạm kiểm tra trọng tải xe lưu động**		
1	Bộ cân lưu động kiểm tra tải trọng xe	01	
2	Bộ cân điện tử xách tay	02	
3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
4	Máy in	01	

5	Thiết bị kết nối mạng di động	01	
6	Thiết bị đo tốc độ xe đang di động	01	
7	Bộ Camera giám sát (gồm nhiều mắt)	01	
8	Màn hình hiển thị camera giám sát	01	
9	Đèn cảnh báo giao thông	02	
10	Bộ đàm và bộ xạc đàm	03	
11	Còi ủ, loa	01	
12	Gậy chỉ huy giao thông có màu đen trắng, sơn phản quang (gậy gỗ hoặc gậy nhựa tổng hợp có đèn gắn pin)	16	
13	Gậy kích điện	02	
14	Dây điện và dây tín hiệu nối dài các loại (cuộn)	10	
15	Bộ rào chắn di động (có phản quang cao 1,2m dài 1,5 m + chóp nón phản quang, các loại cọc tiêu, biển báo di động, đèn chiếu sáng)	01	
16	Dụng cụ đo kích thước	01	
IV	**Ban An toàn giao thông**		
1	Máy chiếu	02	
2	Máy quay phim	02	
3	Máy ảnh	02	
4	Máy tính xách tay cấu hình cao	02	
5	Đầu kỹ thuật số	01	
6	Loa	01	
7	Máy ghi âm	01	
8	Máy photocoppy	01	
9	Đèn còi	01	
V	**Trung tâm ĐT&SH Lái xe**		
1	Camera	02	
2	Hệ thống đèn tín hiệu trên sân sát hạch	01	
3	Thiết bị chấm điểm (bộ máy vi tính trung tâm điều khiển)	05	
4	Thiết bị chấm điểm cài trong xe, mặt đất	22	
5	Bộ phần mềm in dữ liệu và chấm điểm	06	
6	Mô hình thiết bị dạy và học lái xe	01	
7	Màn hình chờ thi	02	
8	Máy photo copy	01	
9	Máy fax	01	
10	Máy tính học luật giao thông đường bộ	60	
11	Bộ lưu điện	40	

12	Máy chiếu	03	
VI	**Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới VP**		
*	**DÂY CHUYỀN KIỂM TRA XE TẢI**		
1	Bộ máy kiểm tra khí xả động cơ xăng	01	
2	Bộ máy kiểm tra khí xả động cơ diesel	01	
3	Máy kiểm tra phanh cho xe có tải	01	
4	Máy kiểm tra trượt ngang	01	
5	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm cho xe tải	01	
6	Máy kiểm tra độ ồn	01	
7	Máy kiểm tra đèn chiếu pha	01	
8	Kích nâng ô tô tải	01	
9	Thanh đo lực phanh xe tải	01	
*	**DÂY CHUYỀN KIỂM TRA XE CON**		
1	Bộ máy kiểm tra khí xả động cơ xăng	01	
2	Bộ máy kiểm tra khí xả động cơ diesel	01	
3	Máy kiểm tra phanh	01	
4	Máy kiểm tra trượt ngang	01	
5	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm	01	
6	Máy kiểm tra độ ồn	01	
7	Máy kiểm tra đèn chiếu pha	01	
8	Kích nâng thủy lực (bộ nâng hạ xe con)	01	
9	Lon đấu nối cảm biến cân xe con	01	
10	Máy nén khí	01	
11	Thanh đo lực phanh xe con	01	
12	Thiết bị hút khí nhà xưởng	01	
13	Bộ máy chủ	01	
14	Thiết bị cảm biến kiểm tra phanh xe con	01	
15	Thiết bị cảm biến kiểm tra phanh xe tải	01	
16	Thiết bị kiểm tra đèn pha kỹ thuật số	01	
17	Thiết bị đo độ khói	03	
18	Máy chủ IBM x 3650M3	01	
19	Chech Pont 1140NGTP	01	

20	Camera quan sát	06	
21	Máy photocoppy	01	
22	Máy ảnh	02	
VII	**Trung tâm công nghệ thông tin**		
1	Máy quay phim chuyên dụng	01	
2	Máy ảnh chuyên dụng	01	
3	Máy ghi âm	02	
4	Tủ chống ẩm bảo quản máy quay phim, máy ảnh	01	
5	Máy vi tính cấu hình cao	02	
6	Máy Scan	01	
7	Flycam	01	

PHỤ LỤC SỐ 7:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG NGÀNH THÔNG TIN TT

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hệ thống

STT	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
I	**Văn phòng Sở**		
1	Máy đo điện trở đất	01	
2	Máy đo tín hiệu đường truyền Internet	01	
3	Máy đo tọa độ GPS	01	
4	Máy quay chuyên dụng	01	
5	Thiết bị phân tích dòng chuyển tải và giải mã IPTV	01	
6	Máy phân tích tín hiệu truyền hình cáp số	01	
7	Thiết bị phân tích tín hiệu, đo kiểm truyền hình số vệ tinh	01	
8	Máy thu đo hợp chuẩn tương thích điện từ trường	01	
9	Hệ thống đo, phát hiện nhiễu và dò tìm nguồn nhiễu vô tuyến điện	01	
10	Hệ thống đo kiểm vùng phủ sóng vô tuyến	01	
11	Máy đo phơi nhiễm điện từ trường	01	
12	Máy phân tích phổ và đo phơi nhiễm điện từ trường mạng di động 4G	01	
13	Hệ thống thiết bị đo kiểm Benchmarking	01	
14	Máy ảnh	03	
15	Máy ghi âm	03	
16	Tủ bảo ôn	01	
17	Máy tính xách tay chuyên dùng	04	
18	Bộ máy chiếu	03	
19	Máy vi tính đồng bộ chuyên dùng	02	
20	Máy in, dán nhãn cáp	01	
21	Đồng hồ đo điện	01	
22	Đồng hồ mê gôm	01	
23	Bộ đếm tần số	01	
24	Ampe kìm	01	
25	Bộ tiêu hao từng bước trung, cao tần	01	

26	Máy đo đồng bộ mạng	01	
27	Máy đo độ cao, khoảng cách	01	
28	Máy đo độ méo tần số và tạp âm	01	
29	Máy đo điện trở cách điện	01	
30	Máy đo điện trở suất của đất	01	
31	Máy đo báo hiệu	01	
32	Máy đo bít lỗi và Jitter	01	
33	Máy đo cáp quang	01	
34	Máy đo công suất	01	
35	Máy đo dạng sóng	01	
36	Máy đo ống dẫn sóng	01	
37	Máy đo Fa đinh	01	
38	Máy đo hệ số khuếch đại	01	
39	Máy đo suy hao	01	
40	Máy hàn quang	01	
41	Thiết bị đo góc phương vị	01	
42	Máy đo tán sắc ánh sáng	01	
43	Máy mô phỏng cuộc gọi	01	
44	Máy ảnh	01	
II	**Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử (TT-GTĐT)**		
1	Máy ảnh chuyên dụng	06	
2	Máy quay phim chuyên dụng	02	
3	Micro định hướng	02	
4	Tủ bảo ôn	03	
5	Flycam	02	
6	Máy tính cấu hình cao	03	
7	Máy scan cấu hình cao	01	
8	Bàn trộn âm thanh	01	
9	Bộ dựng phi tuyến SD/HD	01	
10	Máy ghi âm	06	
11	Máy tính xách tay chuyên dùng	02	
III	**Trung tâm Hạ tầng thông tin**		

1	Thiết bị chuyển mạch lõi (Core Switches)	06	
2	Thiết bị chuyển mạch L3 (Access Switch L3)	11	
3	Thiết bị định tuyến (Router): Static, Dynamic, BGP	06	
4	Thiết bị quản lý Log cho các thiết bị mạng	02	
5	Thiết bị tường lửa lớp mạng	06	
6	Thiết bị tường lửa ứng dụng WEB	02	
7	Thiết bị tường lửa Database	02	
8	Thiết bị Proxy	02	
9	Thiết bị xác thực (Radius Software)	02	
10	Thiết bị giám sát thiết bị mạng (Monitoring Device)	02	
11	Thiết bị phòng chống và phát hiện xâm nhập (IPS)	06	
12	Thiết bị kiểm soát truy cập và quản lý mật khẩu đặc quyền	03	
13	Thiết bị cân bằng tải (Global Load Balancing)	06	
14	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ (SAN Switch)	06	
15	Thiết bị điều khiển lưu trữ (Controller)	06	
16	Thiết bị lưu trữ ngoài (Tape 2 Driver FC)	03	
17	Điều hòa áp trần; điều khiển luân phiên; 48.000 BTU	03	
18	UPS (Lưu điện) công suất 100kva	04	
19	Máy phát điện dự phòng 500KVA	03	
20	Máy chuyển mạch điện tự động ATS 800A	03	
21	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha 630A	02	
22	Thiết bị tiếp đất < 1 (ôm)	02	
23	Hệ thống kiểm soát cửa ra vào	01	
24	Thiết bị phát hiện khói sớm siêu nhạy	02	
25	Thiết bị chữa cháy: FM200	02	
26	Phát hiện rò rỉ chất lỏng	02	
27	Site scan: Giám sát môi trường, thiết bị hạ tầng của Emerson	02	
28	Máy đo kiểm tín hiệu mạng	02	
29	Máy hàn cáp quang	01	
30	Máy in, dán nhãn cáp	01	
31	Camera chuyên dụng (hệ thống)	01	
32	Thiết bị lưu dữ liệu Camera chuyên dụng	01	

33	Máy hút bụi chuyên dụng	01	
34	Hệ thống màn hình giám sát chuyên dụng	01	
35	Bộ máy chiếu	01	
36	Thiết bị chuyển mạch lõi (Core Switches)	06	
37	Thiết bị chuyển mạch L3 (Access Switch L3)	15	
38	Thiết bị chuyển mạch L2 (Access Switch L2)	15	
39	Thiết bị định tuyến (Router): Static, Dynamic, BGP	08	
40	Thiết bị quản lý Log cho các thiết bị mạng	02	
41	Thiết bị tường lửa lớp mạng	06	
42	Thiết bị tường lửa ứng dụng WEB	04	
43	Thiết bị tường lửa Database	04	
44	Thiết bị Proxy caching, web filtering	02	
45	Thiết bị xác thực (Radius Software)	02	
46	Thiết bị quản lý trung tâm	02	
47	Thiết bị giám sát thiết bị mạng (Monitoring Device)	02	
48	Thiết bị phòng chống và phát hiện xâm nhập (IPS)	06	
49	Thiết bị kiểm soát truy cập và quản lý mật khẩu đặc quyền	02	
50	Thiết bị cân bằng tải (Global Load Balancing)	06	
51	Thiết bị ngăn chặn các nguy cơ mất ATTT mạng WAN	34	
52	Thiết bị quản lý cấu hình tập trung	02	
53	Thiết bị trích xuất dữ liệu (TAP)	04	
54	Thiết bị phân tích lưu lượng mạng	03	
55	Thiết bị phòng chống mối nguy hại thường trực (APT)	03	
56	Máy chủ (Server)	450	
57	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ (SAN Switch)	06	
58	Hệ thống thiết bị lưu trữ (Controller, Enclosure, Ổ cứng)	06	
59	Thiết bị lưu trữ ngoài (Tape 2 Driver FC)	03	
60	Máy tính để bàn chuyên dùng phục vụ : Quản trị, giám sát, ứng cứu, trực kỹ thuật	15	
61	Máy tính chuyên dùng lapptop phục vụ : Quản trị, ứng cứu	10	
62	Cáp cấu trúc : Đồng, quang; dây nhảy các loại	Không giới hạn	
63	Tủ Rack, KVM Switch, màn hình, PDU	46	

64	Patch panel	75	
65	ODP quang: Fiber Optic Rack Mount Patch Panel, 1U	50	
66	Module Quang kết nối tốc độ cao: 1G,8G,10G	100	
67	Điều hòa chính xác 60 - 74 kw	04	
68	Điều hòa áp trần; điều khiển luân phiên; 48.000 BTU	04	
69	UPS (Lưu điện) công suất 100kva	04	
70	Máy phát điện dự phòng 500KVA	03	
71	Máy chuyển mạch điện tự động ATS 800A	03	
72	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha 630A	02	
73	Hệ thống tiếp đất < 1 (ôm)	02	
74	Tủ điện: MCCB, Thanh cái, cắt sét, đồng hồ đo dòng, áp	18	
75	Hệ thống cáp điện động lực	02	
76	Ổ cắm 32A, chuẩn công nghiệp IP44	92	
77	Máy biến áp cách ly 400kva	02	
78	Ổn áp 500kva	02	
79	Hệ thống giám sát điện năng SCADA	01	
80	Hệ thống cắt điện khẩn cấp khi có sự cố (EPO)	05	
81	Hệ thống kiểm soát cửa ra vào	01	
82	Hệ thống thiết bị phát hiện khói sớm siêu nhạy	02	
83	Hệ thống chữa cháy: FM200, CO	02	
84	Hệ thống phát hiện rò rỉ chất lỏng	02	
85	Hệ thống Site scan: Giám sát môi trường, thiết bị hạ tầng của Emerson	01	
86	Đồng hồ đo nhiệt độ, độ ẩm LCD	07	
87	Máy đo kiểm tín hiệu mạng: Quang, đồng	02	
88	Đồng hồ Ampe kìm: 500 - 800 A; 50 - 100A	02	
89	Máy hàn cáp quang	01	
90	Máy in, dán nhãn cáp	02	
91	Camera chuyên dụng (hệ thống)	01	
92	Thiết bị lưu dữ liệu Camera chuyên dụng	02	
93	Máy hút bụi chuyên dụng	02	
94	Hệ thống màn hình chuyên dụng phục vụ giám sát, ứng cứu sự cố: Màn hình, Thiết bị điều khiển, Giá đỡ chuyên dụng, bàn ghế	01	

95	Bộ máy chiếu	04	
IV	**Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông**		
1	Máy tính xách tay chuyên dùng	02	
2	Máy vi tính đồng bộ chuyên dùng	01	
3	Thiết bị đầu ghi quản lý, lưu trữ dữ liệu tín hiệu Camera	03	
4	Hệ thống Camera giám sát chuyên dụng	03	
5	Thiết bị bảo mật hợp nhất cho hệ thống	03	
6	Máy chiếu chuyên dụng	03	
7	Thiết bị kiểm tra an ninh cầm tay	03	
8	Thiết bị cân bằng tải đường truyền	03	
9	Micro không dây cầm tay	03	
10	Micro không dây cài ve áo	03	
11	Micro có dây cầm tay	03	
12	Máy phát điện	01	
13	Ổn áp	03	
14	Máy hàn cáp quang	01	
15	Thiết bị đo khoảng cách cầm tay	01	
16	Máy Scan ảnh	01	

PHỤ LỤC SỐ 8:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG ĐÀI PT VÀ TH VĨNH PHÚC

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hệ thống

Stt	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
I	**Máy quay (Camera)** *Bao gồm các phụ kiện kèm theo*		
1	Camera cầm tay (thẻ SD/HD)	40	
2	Camera vác vai (thẻ SD/HD)	05	
3	Camera hệ thống trường quay HD	07	
4	Hệ thống Flycam	02	
II	**Hệ thống cẩu camera HD** *(Bao gồm các phụ kiện kèm theo)*		
1	Hệ thống thiết bị điều khiển và cẩu camera	01	
2	Hệ thống Camera cẩu HD	01	
III	**Bộ dựng phi tuyến SD/HD** (Bao gồm các phụ kiện kèm theo).		
1	Bộ dựng phi tuyến chuẩn HD	20	
IV	**Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và phát sóng phát thanh** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).*		
1	Máy phát sóng phát thanh FM Công suất 5KW	01	
2	Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và phát sóng phát thanh số gồm: *+ Hệ thống dựng audio.* *+ Hệ thống lưu trữ dữ liệu.* *+ Hệ thống server phát sóng tự động audio.* *+ Hệ thống mạng (Mạng trục, Switch mạng).* *+ Hệ thống máy phát thanh kỹ thuật số.* *+ Các phụ kiện phụ trợ kèm theo.*	01	

V	**Hệ thống tổng khống chế phát sóng và các thiết bị phụ trợ** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).*		
	Hệ thống tổng khống chế phát sóng (chuẩn HD) và các thiết bị phụ trợ gồm: *+ Hệ thống chuyển mạch tổng khống chế có dự phòng (Router Video).* *+ Server Playout có dự phòng.* *+ File playout có dự phòng.* *+ Hệ thống phân chia, xử lý tín hiệu.* *+ Hệ thống Multiview.* *+ Hệ thống đồng hồ đồng bộ tín hiệu.* *+ Hệ thống Bắn chữ, đồ họa.* *+ Thiết bị điều khiển, tạo logo, kiểm tra.* *+ Các thiết bị phụ trợ khác.*	01	
VI	**Hệ thống thiết bị lưu trữ và hệ thống mạng quản lý truy xuất cơ sở dữ liệu (MAM) toàn Đài** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).*		
1	Lưu trữ hiện có: 24 TB (02) + 48TB (01) *+ Hệ thống server* *+ Hệ thống lưu trữ*	03	
2	Hệ thống thiết bị server lưu trữ và hệ thống tủ thư viện lưu trữ. *+ Hệ thống lưu trữ trung tâm 192TB.* *+ Hệ thống thư viện lưu trữ băng LTO.* *+ Hệ thống transcode.* *+ Hệ thống server Ingest.* *+ Các thiết bị phụ trợ khác.*	01	
3	Hệ thống mạng quản lý truy xuất cơ sở dữ liệu (MAM) toàn Đài. *+ Hệ thống mạng trục.* *+ Hệ thống phần mềm quản lý.* *+ Hệ thống Switch mạng.* *+ Hệ thống tường lửa*	01	

	+ *Các thiết bị phụ trợ.*		
VII	**Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật cho trường quay** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).*		
1	Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật cho trường quay đa năng *- Hệ thống loa trang âm và thiết bị phụ trợ âm thanh trường quay.* + Hệ thống mixer audio cho trường quay. + Hệ thống loa âm thanh trường quay. + Hệ thống micro có dây và không dây + Hệ thống intercom. *- Hệ thống ánh sáng sân khấu và thiết bị phụ trợ ánh sáng trường quay.* + Hệ thống đèn + sào đèn trường quay. + Hệ thống nguồn Dimmer trường quay. + Hệ thống các bàn điều khiển trường quay *- Hệ thống trang thiết bị truyền hình trường quay.* + Hệ thống camera HD cho trường quay. + Hệ thống Mixer Video số. + Hệ thống chuyển mạch (router) có dự phòng và hệ thống Multiview. + Hệ thống camera cẩu HD cho trường quay. + Hệ thống xử lý tín hiệu và kết nối đến tổng khống chế. *- Hệ thống màn hình LED và các thiết bị phụ trợ.* *- Hệ thống dựng hình phi tuyến trường quay.* *- Hệ thống xử lý đồ họa 3D.*	03	
VIII	**Hệ thống thiết bị ghi hình lưu động mini cấu hình tối thiểu 4 Camera** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).* **Bao gồm:**	02	
1	Hệ thống camera ghi hình HD và các phụ kiện kèm theo		
2	Hệ thống Video/Monitor multiview + Video/Audio Mixer Switcher SD/HD + LCD-HD Monitor PGM Multi Viewer 15 inch		

	+ LCD-HD 40 inch Monitor kiểm tra tín hiệu		
3	Hệ thống Audio + Hệ thống Talkback/Intercom 4 kênh (với 4 bộ liên lạc từ đạo diễn đến từng quay phim). + Tai nghe kiểm tra		
4	Thiết bị ghi hình và phát lại hình ảnh + Thiết bị ghi hình trên thẻ nhớ chất lượng SD/HD + Thẻ nhớ 64GB + Đầu đọc thẻ nhớ + Máy trạm cho thu ghi phát file video/audio		
5	Phụ kiện kèm theo + 16U Mobile Rack với các phụ kiện để đảm bảo hệ thống + Dây All in one dài 100 mét (05 cuộn/HT) + RULO cho dây cáp		
IX	**Hệ thống thiết bị trường quay ảo** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).* **Bao gồm:**	02	
1	Hệ thống trường quay ảo hỗ trợ 04 camera SD/HD , nhiều lớp đồ họa và video, tích hợp sẵn chức năng ghi hình... bao gồm: Phần mềm Unicast (4 Input/2Output/4Chroma) Phần mềm Unicast (4Input/2Output/4Chroma) Proposal Summary Unicast Operation Software Key Featurs + Unicast Extreme Main GUI Program Software + 30 virtual studio (3D Background setting) + 10 Media Source Input Control Module + 12 CH Virtual Camera + 12 CH Virtual Switcher Control Module + 4 Input/ 2 Output/ 4 CH 3 Color Chroma-Key		
2	Bàn điều khiển Tactical Control Keyboard		
3	Cấu hình phần cứng tích hợp: + 1 Cạc xử lý tín hiệu ngõ vào DeckLink Duo 2 + 1 Cạc xử lý tín hiệu ngõ ra DeckLink Studio 4K + Mainboard chipset Z170 or cao hơn + 1 CPU Intel Core i7-6700K 4.0 GHz / 8MB / HD 530 Graphics / Socket 1151 or cao hơn		

	+ 32GB DDR4 Bus 2133Mhz + Cạc xử lý đồ họa 8GB GDDR5 NVIDIA GeForce GTX 1080 + 2x SSD 120GB SATA3 6Gb/s 2.5" + 1x SSD 500GB SATA3 6Gb/s 2.5" + 2x HDD Seagate NAS 2 TB , Sata3, 64MB Cache, 5900 Rpm (ST2000VN000) + 1x Monitor Led 27' Độ Phân Giải Màn Hình 2560x1440 + Vỏ máy chuyên dụng Rackmout 4U + Nguồn chuyên dụng công suất 750W + Keyboard + Mouse, DVDRw		
4	Bộ ghi tín hiệu SD/HD		
5	Màn hình kiểm tra tín hiệu		
6	Phông chuyên dùng để Chromakey		
7	Hệ thống âm thanh + Bàn trộn âm thanh + Micro dùng cho PTV và tọa đàm + Loa kiểm âm kiểm tra âm thanh và Tai nghe kiểm tra tín hiệu + Bộ làm trễ tiếng		
8	Bộ lưu điện và các Phụ kiện, lắp đặt, tích hợp		
X	**Hệ thống thiết bị xe truyền hình lưu động** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).*		
1	Nâng cấp hệ thống trang thiết bị xe truyền hình lưu động chuẩn SD 4:3 cấu hình 5 camera đã có lên chuẩn HD, bao gồm: *+ Hệ thống 5 Camera HD có dây (cùng các thiết bị phụ trợ kèm theo).* *+ Hệ thống Mixer & Router HD.* *+ Hệ thống làm chậm HD* *+ Hệ thống ghi đọc thẻ HD (Ghi, phát tín hiệu).* *+ Hệ thống Multiview HD* *+ Hệ thống phân phối, xử lý tín hiệu.* *+ Bộ thu phát camlink.*	01	

	+ *Các phụ kiện phụ trợ kèm theo*		
2	Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật xe truyền hình lưu động chuẩn HD, bao gồm: + *Hệ thống 7 Camera HD gồm: 5 Camera có dây và 2 Camera không dây (cùng các thiết bị phụ trợ và bộ thu phát không dây kèm theo).* + *Hệ thống Mixer & Router HD (có dự phòng).* + *Hệ thống làm chậm HD* + *Hệ thống bắn chữ, đồ họa HD* + *Hệ thống Mixer audio, Micro, xử lý âm thanh* + *Hệ thống Intercom (thông tin, liên lạc).* + *Hệ thống ghi đọc thẻ (Ghi, phát tín hiệu).* + *Hệ thống Multiview HD* + *Hệ thống phân phối, xử lý tín hiệu (truyền dẫn qua cáp quang, internet, mạng di động).* + *Máy phát điện dự phòng.* + *Các phụ kiện phụ trợ kèm theo*	01	
XI	**Thiết bị máy móc chuyên dùng trang thông tin điện tử** *(Danh mục, chủng loại và số lượng trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống được xác định trên căn cứ quy mô, danh mục và số lượng trang thiết bị của từng dự án được phê duyệt đầu tư).*		
1	Thiết bị mã hoá video chuyên dụng	02	
2	Máy chủ	02	
3	Phần mềm bản quyền Windowserver và SQL Server	02	
4	Bộ cấp nguồn liên tục 10KVA (UPS)	01	
5	Khay mở rộng hệ thống NAS	01	
6	Ổ cứng lưu trữ (8-10TB)	24	
7	Thiết bị cân bằng tải	01	
8	"Bộ chuyển mạch Switch gigabit 24port + optical transceiver 2x10Gbps uplink Cisco WS-C3650-24TD-S"	02	
9	Card dựng hình chuyên dụng	02	
10	Máy dựng Workstation	04	

11	Bản quyền phần mềm streaming	01	
12	Phần mềm xây dựng website tương thích với mọi loại thiết bị từ máy tính đến điện thoại di động	01	
13	Phần mềm xây dựng chức năng truyền hình trực tuyến, cắt và lưu trữ tự động các chương trình truyền hình & phát thanh	01	
14	Phần mềm hiển thị quảng cáo trên các video/truyền hình xem lại	01	
XII	**Một số thiết bị chuyên dùng phục vụ nâng cấp, thay thế và sửa chữa trong hoạt động sản xuất, truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử hàng ngày.**		
1	Phần mềm phát sóng tự động HD	03	
2	Ổ cứng máy dựng phi tuyến (Ổ SSD 500GB)	15	
3	Bóng đèn lạnh trường quay (loại Osram - 36W)	40	
4	Bóng đèn lạnh trường quay (loại Osram - 55W)	40	
5	Bóng đèn trường quay (loại Halogen - 500W)	20	
6	Bóng đèn trường quay (loại Halogen - 1000W)	20	
7	Phần mềm diệt vi rút cho 2 máy chủ	06	
8	Phần mềm diệt vi rút cho hệ thống máy tính chuyên dụng phục vụ sản xuất, truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình.	50	
9	Ổ cứng lưu trữ ngoài 4-5TB	20	
10	Ổ cứng di động 1TB	20	
11	Micro ghi âm cài ve áo không dây chuyên dụng	40	
12	Micro phỏng vấn có dây chuyên dụng	40	
13	Đèn LED máy quay camera	40	
14	Thẻ nhớ chuyên dụng 64 GB	30	
15	Khung 12 khe cắm các bo mạch điều khiển.	02	
16	Card truyền hình trực tuyến Streaming (SD/HD)	01	

17	Bộ nguồn khung 12 khe cắm các bo mạch điều khiển.	03	
18	Bộ chia tín hiệu SDI	04	
19	Màn hình ti vi 45 - 65 inch	05	
20	Bộ chia màn hình Multiview	04	
21	Cạc chuyển đổi định dạng *(Up/Down/cross converter)*	02	
22	Cạc nhúng/tách Audio *(Audio embed/de-embed)*	04	
23	Pin camera thẻ cầm tay	22	
24	Pin camera thẻ vác vai	06	
25	Pin Plycam	04	
26	Bộ chuyển đổi tín hiệu chuyên dụng SDI sang HDMI và HDMI sang SDI	04	
27	Bộ lưu trữ điện (UPS) 1KVA - 15 KVA	05	
28	Tai nghe kiểm thính chuyên dụng	10	
29	Cạc phân phối tín hiệu SDI SD/HD	02	
30	Máy Scan màu	02	
31	Máy tính xách tay tốc độ cao cài đặt phần mềm ứng dụng chuyên ngành biên tập, gửi tin, bài	05	
32	Máy tính để bàn tốc độ cao cài đặt phần mềm ứng dụng chuyên ngành biên tập, duyệt tin, bài	10	
33	Máy ảnh tích hợp máy quay phim kỹ thuật số	02	
34	Máy ghi âm kỹ thuật số	05	
35	Máy phát điện dự phòng và hệ thống ATS tự động công suất 150-300KVA	01	
36	Đầu ghi, đọc file.	04	
37	Máy hút ẩm	15	

Ghi chú: *Số lượng và chủng loại trang thiết bị cụ thể của từng hệ thống từ mục I đến mục XI Phụ lục này được đầu tư căn cứ vào từng dự án được phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khi sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị Đài PTTH có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, căn cứ cần thiết có liên quan đến từng hệ thống cho Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.*

PHỤ LỤC SỐ 9:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG THUỘC LĨNH VỰC KHÁC

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hộp/hệ thống

STT	Chủng loại tài sản	Số lượng	Ghi chú
A	**VĂN PHÒNG HĐND TỈNH**		
	Máy photocopy tốc độ cao	03	
B	**VĂN PHÒNG UBND TỈNH**		
I	**Máy móc, thiết bị văn phòng**		
	Trung tâm phục vụ hành chính công		
1	Máy ảnh cấu hình cao	04	
2	Máy ghi âm cấu hình cao	07	
3	Máy chiếu phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư	04	
4	Máy quay phim	04	
5	Máy in màu	04	
6	Máy chiếu hiện đại	04	
7	Máy tính xách tay phục vụ cho công tác đầu tư xúc tiến	05	
8	Máy Photo cấu hình cao phục vụ nhiệm vụ UB tỉnh giao	02	
9	Máy quét scaner tốc độ cao (2 mặt)	02	
10	Màn hình cảm ứng Full HD	03	
11	Máy tính bảng cấu hình cao	05	
12	Máy ghi âm điện thoại dành cho tổng đài	01	
13	Máy ghi âm điện thoại có trả lời tự động	01	
14	Tổng đài hỗ trợ chặn số gọi đến	01	
15	Điện thoại kéo dài máy mẹ - con	01	
16	Thiết bị nhắn tin chuyên dụng SMS	01	
	Ban Tiếp công Dân		
1	Máy ảnh cấu hình cao	02	
2	Máy ghi âm cấu hình cao	02	
3	Máy quay phim	02	
4	Máy in màu	02	

5	Máy chiếu hiện đại	02	
6	Máy tính xách tay phục vụ công tác tiếp dân	02	
7	Điều hòa nhiệt độ 18000BTU-24000BTU phục vụ phòng đón tiếp công dân	02	
8	Hệ thống điều hoà âm trần	02	
9	Máy scen chuyên dùng A4	01	
10	Máy tính để bàn phục vụ cho công tác tiếp dân	03	
11	Máy in phục vụ cho công tác tiếp dân	03	
12	Hệ thống camera giám sát	01	
	Văn phòng UBND tỉnh		
1	Máy ảnh cấu hình cao chuyên phục vụ công tác đối nội, đối ngoại và các nhiệm vụ	04	
2	Máy ghi âm cấu hình cao phục vụ các buổi đối thoại doanh nghiệp	06	
3	Máy quay phim đối thoại doanh nghiệp, công tác tiếp dân	04	
4	Máy in màu phục vụ in ấn cho công tác đối nội, đối ngoại, khách quốc tế	04	
5	Máy tính để bàn cấu hình cao phục vụ Quản trị mạng hệ thống CNTT tại Tòa nhà trụ sở làm việc HĐND-UBND tỉnh	56	
6	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ Quản trị mạng hệ thống CNTT tại Tòa nhà trụ sở làm việc HĐND-UBND tỉnh, Thư ký ghi biên bản các cuộc họp UBND tỉnh	48	
7	Máy Photo cấu hình cao phục vụ nhiệm vụ UB tỉnh giao và phục vụ công tác in ấn hồ sơ lưu trữ	08	
8	Thiết bị quét văn bản phục vụ số hóa tài liệu	06	
9	Ổn áp li oa phục vụ điện Trụ sở UB	04	
10	Điều hòa nhiệt độ 18000BTU-24000BTU phục vụ phòng máy chủ, phòng đối thoại doanh nhân	13	
11	Máy Scan phục vụ công tác Văn bản đi đến theo yêu cầu chính phủ điện tử	04	
12	Ổ cứng sao lưu tài liệu lưu trữ	06	
13	Máy hủy tài liệu	02	
14	Máy chiếu hiện đại	04	
15	Màn hình 100 in	02	

	Nhà khách tỉnh		
*	**HỆ THỐNG ÂM THANH & HIỂN THỊ NHÀ ĂN**	01	
	Bao gồm:		
1	Bộ thiết bị hỗ trợ quá tải tín hiệu	02	
2	bộ trộn tín hiệu âm thanh	02	
3	Bộ hiệu chỉnh giải tần hai kênh:	02	
4	Bộ xử lý hiệu ứng	02	
5	Bộ phân tần.	02	
6	Tăng âm công suất chuyên dụng	06	
7	Loa hai chiều công suất lớn.	16	
8	Micro không dây cầm tay .	08	
9	Hộp nguồn tổng.	02	
10	Tủ thiết bị chuyên dụng lắp đặt cho hệ thống âm thanh.	02	
11	Tivi	02	
12	Đầu đĩa DVD.	02	
*	**HỆ THỐNG ÁNH SÁNG SÂN KHẤU NHÀ ĂN**		
1	Robot ánh sáng quay theo điều khiển lập trình	08	
2	Đèn kỹ xảo sử dụng trong sân khấu 64 pha màu.	32	
3	Đèn kỹ xảo Parled có tính năng điều khiển DMX sử dụng trong sân khấu.	08	
4	Máy tạo khói sân khấu	04	
5	Đèn Follow	02	
6	Bàn điều khiển trung tâm DMX kết nối và điều khiển robot ánh sáng & đèn ParLed.	02	
7	Bàn điều khiển trung tâm kết nối và điều khiển đèn kỹ xảo	02	
8	Máy bắn kim tuyến.	04	
9	Dàn khung kết cấu 3D treo trên sân khấu.	02	
10	Bàn đặt thiết bị cho người điều khiển.	02	
11	Bộ ổn áp nguồn cho toàn bộ hệ thống	02	
*	**Hệ thống mạng ADSL**		
1	Tủ Rack 10U	15	

2	Switch 24 port	01	
3	Router Wireless	10	
4	Modem ADSL	01	
5	Chống sét lan truyền (net protect)	01	
*	**Hệ thống CCTV**		
1	Camera bán cầu, hồng ngoại treo trần, chức năng quan sát ngày đêm	06	
2	Camera bán cầu quay quét	01	
3	Camera Hình chữ nhật	04	
4	Vỏ che ngoài trời cho camera và chân đế	03	
5	màn hình quan sát 19 inch	02	
6	Đầu ghi và chia hình	01	
7	Bàn điều khiển quay quét (3 ĐK)	01	
*	**Hệ thống mạng truyền hình**		
1	Khuếch đại tín hiệu tivi(P.câmra+ P.tủ điện)	02	
*	**HỆ THỐNG ÂM THANH SÁNH SÁNG T1 HỘI TRƯỜNG**		
	1.Hệ thống âm thanh và hệ thống điều khiển khu vực hành lang		
1	Loa ốp trần	08	
2	Micro thông báo khu vực sảnh tầng 1	01	
3	Amplfier Mixer	01	
4	Thiết bị ngoại vi Đầu CD Player phát nhạc nền	01	
5	Tủ thiết bị	01	
	2. Hệ thống âm thanh - ánh sáng sân khấu biểu diễn Hội trườngđa năng (HT lớn)		
1	Bàn trộn âm thanh	01	
2	Amply	05	
3	Loa thùng	12	
4	Thiết bị ngoại vi (Micro vô tuyến cầm tay, bộ phân tần)	12	
5	Comperesso - Nén tiếng	01	
6	Thiết bị ngoại vi (bộ tạo vang)	01	
7	Tủ thiết bị	01	

8	Micro hội thảo	101	
9	Ampli Trung tâm	02	
	3. Hệ thống ánh sáng sân khấu biểu diễn hội trường đa năng. (Hội trường lớn)		
1	Bàn điều khiển ánh sáng	01	
2	Công suất ánh sáng	02	
3	Đèn Par	32	
4	Đèn Movinghead	02	
5	Đèn chiếu quét Scan	04	
6	Bàn điều khiển đèn kỹ thuật	01	
7	Đèn chiếu đuổi Foollow	01	
8	Máy tạo khói công suất	02	
9	Tủ thiết bị	01	
*	**HỆ THỐNG ÂM THANH PHÒNG HỌP ĐOÀN CHỦ TỊCH (Phòng họp số 3)**		
1	Micro hội thảo	17	
2	Ampli trung tâm	01	
3	Loa thùng toàn dải treo tường	04	
4	Ampli Mier	01	
5	Thiết bị ngoại vi (bộ micro vô tuyến cầm tay)	01	
6	Tủ thiết bị	01	
*	**Hệ thống âm thanh phòng thảo luận tổ (Phòng số 5)**		
1	Micro hội thảo	16	
2	Ampli trung tâm	01	
3	Loa thùng toàn dải treo tường	04	
4	Ampli Mier	01	
5	Thiết bị ngoại vi (bộ micro vô tuyến cầm tay)	01	
6	Tủ thiết bị 13U	01	
*	**Hệ thống âm thanh phòng họp báo (phòng họp số 2 tầng 1)**		
1	Micro hội thảo	05	
2	Ampli trung tâm	01	

3	Loa thùng toàn dải treo tường	04	
4	Ampli Mier	01	
5	Thiết bị ngoại vi (bộ micro vô tuyến cầm tay)	01	
6	Tủ thiết bị 13U	01	
*	**Hệ thống âm thanh phòng khách (P.họp số 4)**		
1	Micrro để bàn cho chủ tọa	02	
2	Lắp đặt thiết bị ngoại vi (bộ Micro vô tuyến cầm tay)	01	
3	Loa gắn trần	06	
4	Ampli Mier	01	
*	**HỆ THỐNG ÂM THANH SÁNG T2**		
	1. Hệ thống âm thanh phòng hội thảo (Phòng họp số 7)		
1	Micro hội thảo	16	
2	Ampli trung tâm	01	
3	Loa thùng toàn dải treo tường	04	
4	Ampli Mier	01	
5	Thiết bị ngoại vi (bộ micro vô tuyến cầm tay)	01	
6	Tủ thiết bị	01	
	2. Hệ thống âm thanh phòng họp 100 chỗ (Phòng số 9)		
1	Micrro để bàn cho chủ tọa	02	
2	Lắp đặt thiết bị ngoại vi (bộ Micro vô tuyến cầm tay)	02	
3	Loa thùng toàn dải treo tường	08	
4	Ampli Mier	02	
5	Tủ thiết bị	01	
	3.Hệ thống âm thanh phòng họp 150 chỗ (Phòng họp số 6)		
1	Micrro để bàn cho chủ tọa	02	
2	Lắp đặt thiết bị ngoại vi (bộ Micro vô tuyến cầm tay)	02	
3	Loa thùng toàn dải treo tường	10	
4	Ampli Mier	02	
5	Tủ thiết bị	01	
	Các phụ kiện khác		
1	Xào treo đèn Par	50	

2	Ổn áp lioa	01	
3	Đầu mini disk chuyên dụng (biến đổi tín hiệu truyền hình)	01	
	Hệ thống ánh sáng		
1	Đèn Halozen	10	
	Hệ thống trình chiếu hội trường đa năng		
1	Máy chiếu	01	
2	Hệ thống giá treo máy chiếu	01	
3	Ống kính chuyên dụng phù hợp kích thước màn hình	01	
4	Bộ điều khiển tín hiệu máy chiếu và màn hình máy chiếu	01	
5	Bộ Swichther chuyển mạch phân đường tín hiệu Audio - Video	01	
6	Máy tính chuyên dụng phục vụ việc trình chiếu	01	
	Màn hình máy chiếu điều khiển nâng hạ bằng Mottor điện		
1	Màn hình máy chiếu điều khiển nâng hạ bằng Mottor điện	01	
2	Hệ cơ khí nâng hạ điều khiển treo màn âm trần lên xuống bằng motor điện	01	
	Hệ thống truyền hình		
1	Màn hình công nghệ cao	10	
	Hệ thống thông tin liên lạc		
1	Wifi	02	
	Hệ thống điều hòa		
1	Máy điều hòa tủ đứng	02	
2	Máy hút bụi công nghiệp công suất lớn	05	
*	**NỘI THẤT HỘI TRƯỜNG**		
	Phòng HT 500 chỗ		
1	Bức tượng Bác	01	
2	Bục đặt tượng Bác	01	
3	Bục phát biểu	01	
4	Bàn đại biểu	10	
5	Bàn thư ký	01	
6	Bàn hội trường	88	
7	Ghế đại biểu	17	

8	Ghế liên hoàn	526	
9	Ghế thư ký	02	
10	Bục kê tượng Bác Hồ	01	
11	Bục kê bàn ghế đoàn chủ tịch	10	
12	Bục đứng sân khấu	10	
	Phòng khách (01 phòng)		
1	Bàn tiếp khách	01	
2	bàn nách giữa 2 ghế tiếp khách	22	
3	Ghế	28	
4	Kệ trang trí	02	
5	Tủ BuFee nước	01	
	Phòng họp đoàn chủ tịch (01 phòng)		
1	Bục phát biểu	01	
2	bàn làm việc	01	
3	bàn để hoa	01	
4	Ghế phòng họp	18	
5	Tủ BuFee nước	01	
	Phòng hội thảo (01 phòng)		
1	Bàn họp hình oval	01	
2	Bàn tiếp khách	02	
3	Ghế phòng họp	24	
4	Bàn	01	
5	Tủ BuFee nước	01	
	Phòng họp báo (01 phòng)		
1	Bàn làm việc	01	
2	Ghế phòng họp	45	
3	Ghế chủ tọa	05	
4	Tủ BuFee nước	01	
	Phòng thảo luận tổ (01 phòng)		
1	bàn thảo luận	01	
2	Bàn tiếp khách	06	

3	Ghế làm việc	28	
4	Tủ BuFee nước	01	
	Phòng họp 100 chỗ (01 phòng)		
1	Bàn làm việc	04	
2	Ghế chủ tọa	05	
3	Ghế làm việc	02	
4	Ghế họp	100	
5	Bục kê bàn ghế đoàn chủ tịch	06	
6	Bàn bề mặt	42	
7	Tủ BuFee nước	01	
I	**Phòng họp 150 chỗ (01 phòng)**		
1	Bàn làm việc	08	
2	Ghế chủ tọa	07	
3	Ghế họp	150	
4	Bục kê bàn ghế đoàn chủ tịch	06	
5	Bục phát biểu	01	
6	Bàn	40	
7	Tủ BuFee nước	01	
	Hành lang		
1	Bàn	24	
2	Ghế hành lang	120	
	Phòng khách chờ		
1	Ghế tiếp khách	10	
2	Bàn nách giữa 2 ghế,	05	
3	Kệ trang trí phòng khách	01	
4	Tủ	01	
*	**Khu vực nhà ăn T1+2**		
1	Ghế ngồi ăn	1.200	
2	Bàn ăn	200	
3	Tủ kệ trang trí trên để bình hoa dưới để ly tách Phòng ăn lớn + phòng ăn nhỡ + phòng ăn nhỏ	03	

	Phòng ăn VIP Tầng 2		
1	Ghế ngồi ăn	60	
2	Bàn ăn	10	
3	Tủ kệ trang trí trên để bình hoa dưới để ly tách	01	
	Phòng ăn VIP Tầng 2		
1	Ghế ngồi ăn	32	
2	Bàn ăn	04	
3	Tủ kệ để ly tách, rượu, khăn ăn cho TVPV	01	
	Phòng ăn VIP Tầng 2		
1	Ghế ngồi ăn	12	
2	Bàn ăn	02	
	Thiết bị nhà bếp		
1	Bếp	18	
2	Tủ nấu cơm	04	
3	Máy hâm nóng đồ ăn	03	
4	máy hâm súp	04	
5	bàn chế biến	10	
6	Giá đột lỗ 4 tầng	20	
7	Tủ hấp 2 ngăn	02	
8	Tủ giữ nóng thức ăn	02	
9	Tủ bảo ôn	04	
10	Máy thái lát thịt tự động	02	
11	Xe đẩy thức ăn 2 tầng	10	
12	Hệ thống ga cao áp	01	
13	hệ thống ga hạ áp	01	
14	Bình ga công nghiệp lắp hệ thống	23	
15	Quạt công nghiệp có chân	10	
16	Máy làm đá viên	02	
17	Máy lọc nước tinh khiết để làm đá sạch	04	
18	hệ thống đóng ngắt ga tự động.	01	
19	Quạt hút khử mùi	01	

20	Hệ thống ga 4 bình	01	
21	Máy giặt công nghiệp	03	
22	Hệ thống điều hòa Nhà ăn	02	
23	Máy điều hòa tủ đứng	02	
*	**Phòng nghỉ**		
1	Điều hòa	45	
2	Quạt trần	10	
3	Máy hút bụi	03	
4	Tủ lạnh	35	
5	Ti vi	35	
6	Ghế	21	
7	Bàn nước	41	
8	Bàn phấn phòng VIP	05	
9	Đôn trang điểm	05	
10	Bàn làm việc phòng V	05	
11	Ghế tựa phòng V	05	
12	Bàn nước	05	
13	Ghế phòng nghỉ thường	52	
14	Tủ quần áo	35	
15	Tủ để quần áo	35	
16	Tủ đầu giường	65	
17	Giường	58	
18	Giá để hành lý phòng nghỉ	05	
19	Máy giặt	01	
20	Bộ bàn ghế	02	
21	Bộ bàn nước	05	
22	Bộ bàn quầy lễ tân	01	
C	**TỈNH ỦY**		
1	**Văn phòng Tỉnh ủy**		
	MÁY MÓC THIẾT BỊ VĂN PHÒNG		
1	Tủ tài liệu	20	

2	Máy hủy tài liệu	20	
3	Máy photocopy tốc độ cao	01	
4	Máy scan chuyên dụng	02	
5	Máy tính xách tay cấu hình cao	07	
6	Máy ghi âm	03	
7	Máy ảnh chuyên dụng	03	
	HỆ THỐNG ÂM THANH PHÒNG HỌP BTV, BCH		
1	Micro hội thảo	20	
2	Ampli trung tâm	01	
3	Loa thùng toàn dải treo tường	04	
4	Ampli Mier	01	
5	Thiết bị ngoại vi (bộ micro vô tuyến cầm tay)	01	
6	Tủ thiết bị	01	
7	Loa ốp trần	10	
8	Micro thông báo khu vực sảnh tầng 1	01	
9	Ổ cứng sao lưu tài liệu lưu trữ	10	
	KHU VỰC NHÀ ĂN TẦNG 1+2		
1	Ghế ngồi ăn	100	
2	Bàn ăn	50	
3	Tủ kệ trang trí trên để bình hoa dưới để ly tách Phòng ăn lớn +	20	
5	Hệ thống loa đài ánh sáng ở khu vực nhà ăn lớn	01	
	PHÒNG ĂN VIP TẦNG 2		
1	Ghế ngồi ăn	96	
2	Bàn ăn (bàn tròng mặt kinh)	08	
3	Tủ kệ trang trí trên để bình hoa dưới để ly tách	04	
	PHÒNG HỘI THẢO VIP TẦNG 1		
1	Ghế ngồi ăn	50	
2	Bộ bàn hình chữ U	01	
3	Tủ để thiết bị điện tử	01	
	PHÒNG ĐÓN TIẾP		
1	Ban ghê sofa	04	

2	Bàn hoa	01	
	THIẾT BỊ NHÀ BẾP		
1	Bếp		
2	Tủ nấu cơm	02	
3	Máy hâm nóng đồ ăn	02	
4	Máy hâm nóng súp	02	
5	Bàn chê biến	02	
6	Giá đột lỗ 4 tầng	02	
7	Tủ hấp 2 ngăn	01	
8	Tủ giữ nóng thức ăn	02	
9	Tủ bảo ôn	02	
10	Máy thái lát thịt tự động	01	
11	Xe đẩy thức ăn 2 tầng	04	
12	Hệ thống ga cao áp	04	
13	Hệ thống ga hạ áp	04	
14	Bình ga công nghiệp lắp hệ thống	04	
15	Quạt công nghiệp có chân	06	
16	Máy làm đá viên	01	
17	Máy lọc nước tinh khiết để làm đá sạch	01	
18	Hệ thống đóng ngắt ga tự động	04	
19	Quạt hút khử mùi	04	
20	Hệ thống ga 4 bình	02	
21	Máy giặt công nghiệp	02	
22	Hệ thống điều hòa Nhà ăn	01	
23	Máy điều hòa đứng	04	
	PHÒNG NGHỈ		
1	Điều hòa	48	
2	Máy hút bụi	04	
3	Tủ lạnh	34	
4	Hệ thống đèn chiếu sân khấu	01	
5	Hệ thống camera giám sát	12	

6	Hệ thống cửa từ quản lý phòng nghỉ	34	
7	Bảng đèn net điển tử	01	
8	Máy phôtcoppy tốc độ cao	01	
9	Bàn làm việc phòng VIP	02	
10	Ghế tựa phòng VIP	08	
11	Bàn nước	08	
12	Ghế phòng nghỉ thường	26	
13	Tủ quần áo	34	
14	Tủ để minibar	34	
15	Máy bơm điên chữa cháy	02	
16	Máy sây khô quần áo	01	
17	Giá để hành lý phòng nghỉ	34	
18	Máy giặt (Đan dụng)	02	
19	Máy hút đáy bể bơi	01	
20	Ghế bể bơi	06	
21	Bộ bàn quầy lễ tân	02	
2	**Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy**		
2.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
2.2	Máy scan chuyên dụng	01	
2.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
2.4	Máy ảnh chuyên dụng	01	
3	**Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh**		
3.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
3.2	Máy scan chuyên dụng	01	
3.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
4	**Ban Nội chính Tỉnh ủy**		
4.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
4.2	Máy scan chuyên dụng	01	
4.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
4.4	Máy ảnh chuyên dụng	01	
5	**Ban Dân Vận Tỉnh ủy**		

5.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
5.2	Máy scan chuyên dụng	01	
5.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
5.4	Máy ảnh chuyên dụng	01	
6	**Ban Tổ chức Tỉnh ủy**		
6.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
6.2	Máy scan chuyên dụng	01	
6.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
6.4	Máy ảnh chuyên dụng	01	
7	**Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh**		
7.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
7.2	Máy scan chuyên dụng	01	
7.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
7.4	Máy ảnh chuyên dụng	01	
8	**Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy**		
8.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
8.2	Máy scan chuyên dụng	1	
8.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
8.4	Máy ảnh chuyên dụng	01	
9	**Báo Vĩnh Phúc**		
9.1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
9.2	Máy scan chuyên dụng	01	
9.3	Máy tính xách tay cấu hình cao	10	
9.4	Máy ảnh chuyên dụng	13	
9.5	Máy tính để bàn cấu hình cao	20	
D	**SỞ CÔNG THƯƠNG**		
I	**Văn phòng Sở**		
1	**Thiết bị đo khoảng cách cầm tay**	04	
2	Máy đo độ võng đường dây điện	02	
3	Thiết bị đo điện trở nối đất	01	
4	Thiết bị đo điện trở cách điện	01	

5	Máy đo điện từ trường	01	
6	Camera	01	
7	**Máy ảnh chuyên dụng**	03	
8	Thiết bị đo phân tích công suất, sóng hài	01	
9	Ampe kìm đo dòng điện 2000A	01	
10	**Máy tính xách tay cấu hình cao**	04	
11	**Máy GPS cầm tay**	04	
12	Máy toàn đạc điện tử	01	
13	Thiết bị đếm tần số	02	
14	Thiết bị đo bức xạ ánh sáng	02	
15	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	02	
16	**Máy in A3 chuyên dụng**	04	
17	Máy photocopy tốc độ cao	02	
18	**Ổ cứng di động 5TB**	12	
19	Thước kẹp Pame điện tử	02	
20	Ống nhòm đo khoảng cách	02	
21	Máy scan màu A4 2 mặt	02	
II	**Trung tâm năng lượng**		
1	Thiết bị kiểm tra công tơ điện trên lưới 1 pha	02	
2	Thiết bị kiểm tra công tơ điện trên lưới 3 pha	02	
3	Bàn kiểm công tơ điện 1 pha tự động, kỹ thuật số, cấp chính xác 0,1%	02	
4	Bàn kiểm công tơ điện 3 pha tự động, kỹ thuật số, cấp chính xác 0,1%	02	
5	Thiết bị thử độ bền cách điện	01	
6	Thiết bị đo điện trở cách điện	01	
7	Thiết bị phân tích chất lượng điện năng	01	
8	Thiết bị đo nhiệt độ không tiếp xúc kèm hình ảnh (Camera nhiệt)	01	
9	Thiết bị đo tốc độ gió, lưu lượng gió	01	
10	Thiết bị đo tốc độ vòng quay cơ động	01	
11	Thiết bị phân tích khí thải ống khói	01	

12	Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm	01	
13	Máy đo năng lượng bức xạ mặt trời di động	01	
14	Máy đo năng lượng bức xạ mặt trời cố định	01	
15	Thiết bị ngoại vi (phần mềm kết nối, máy tính, máy in)	01	
E	**SỞ NỘI VỤ**		
I	**Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở**		
1	Máy photocopy tốc độ cao	01	
2	Máy in màu	02	
3	Máy vi tính để bàn tốc độ cao	02	
4	Máy tính xách tay tốc độ cao	02	
5	Máy ảnh chuyên dụng	01	
6	Máy scan chuyên dụng	02	
7	Máy quay phim		
8	Máy ghi âm		
II	**Ban thi đua khen thưởng**		
1	Máy in màu A3 (Bằng khen...)	02	
III	**Chi cục Văn thư - Lưu trữ**		
1	Laptop phục vụ kiểm tra tài liệu	05	
2	Bàn là tài liệu đa năng chuyên dụng	01	
3	Camera quan sát, giám sát an ninh	01	
4	Máy tra cứu đa năng	01	
5	Máy khử trùng tài liệu	01	
6	Bình khí Nitơ	02	
7	Máy sấy khô tài liệu lưu trữ	01	
8	Tủ kính áp tường cao (Phòng trưng bày)	01	
9	Tủ kính áp tường lửng (Phòng trưng bày)	01	
10	Tủ kính trưng bày giữa phòng hình chữ U	01	
11	Máy in mã vạch	01	
12	Máy đọc mã vạch	01	
13	Tủ đựng thiết bị chuyên dụng Rack 19"	01	
14	Máy đo độ ẩm, không khí cầm tay	01	

15	Máy scan tự động chuyên dụng (Scan khổ giấy lên tới A1, chụp được hai trang trong một lần)	01	
16	Bộ thiết bị lưu điện bảo về thiết bị server	01	
17	Router (2811w/ACPWR,2FE,4HWICs,2PVDMs,1NME,2AIMS,IPBASE,128F/512D)	01	
18	Máy tính tốc độ cao	01	
19	Thiết bị đầu ghi quản lý, lưu trữ dữ liệu tín hiệu camera (10BaseT/100BaseT/1000BaseT and half duplex/)	01	
20	Thiết bị lưu trữ	01	
21	Thiết bị định tuyến mạng	01	
22	Máy tính chuyên dụng xử lý ảnh số hóa_WorkStation: Chuyên dụng kết nối máy quét và xử lý ảnh	01	
23	Máy quét ảnh cuốn giấy A4: Trang bị để quét tài liệu thường có thể cuốn giấy khi quét	03	
24	Máy quét ảnh kính phẳng A4 (Flatbed): 'Trang bị để quét các giấy dễ rách, mỏng,	01	
25	Máy quét ảnh A3: 'Trang bị để quét các tài liệu khổ A3	01	
F	**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**		
1	Máy in A3 chuyên dụng TĐKT	03	
2	Máy in màu	02	
3	Máy in màu chuyên dụng	04	
4	Máy in siêu tốc	04	
5	Máy in bằng tốt nghiệp	02	
6	Máy tính chuyên dụng phục vụ việc ra đề thi	27	
7	Máy tính xách tay chuyên dùng	13	
8	Máy photocopy chuyên dụng	04	
9	Máy tính chuyên dụng	04	
10	Máy scan siêu tốc	03	
11	Máy hủy bằng	02	
12	Bộ chia bài thi 12 ngăn	02	
13	Điều hòa cây chuyên dụng 24000BTU	08	
14	Ổ cứng chuyên dụng 5TB	05	

15	Tủ sắt chuyên dụng 10 ngăn	05	
16	Ống kích góc rộng + kích chắn tia UV	02	
17	Ống kích góc hẹp + kích chắn tia UV	02	
18	Bảng Led điện tử cơ quan	01	
19	Barier cơ quan	01	
G	**SỞ Y TẾ**		
	Văn phòng Sở		
-	Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại Văn phòng Sở	01	
-	Máy photocopy tốc độ cao	01	
-	Máy in màu	01	
-	Máy tính sách tay tốc độ cao	02	
-	Máy ảnh chuyên dụng	01	
-	Máy scan chuyên dụng	02	
-	Máy ghi âm	01	
-	Hệ thống thiết bị họp trực tuyến	01	
	22 đơn vị trực thuộc Sở Y tế, mỗi đơn vị 1 hệ thống		
-	Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại các đơn vị trực thuộc	22	
-	Máy photocopy tốc độ cao (mỗi đơn vị 1 máy)	22	
-	Máy in màu (mỗi đơn vị 1 máy)	22	
-	Máy tính sách tay tốc độ cao (mỗi đơn vị 2 máy)	44	
-	Máy ảnh chuyên dụng (mỗi đơn vị 1 máy)	22	
-	Máy scan chuyên dụng (mỗi đơn vị 2 máy)	44	
-	Máy ghi âm (mỗi đơn vị 1 máy)	22	
-	Hệ thống thiết bị họp trực tuyến (mỗi đơn vị 1 hệ thống)	22	
	137 Trạm y tế, mỗi Trạm 1 hệ thống		
-	Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	137	
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật		
-	Máy in thẻ mã vạch	02	
H	**BAN GPMB& PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**		
1	Máy toàn đạc điện tử	04	

2	Máy trắc địa GPS	06	
3	Máy quay camera	02	
I	**CÁC SỞ NGÀNH KHÁC VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**		
1	Máy photocopy tốc độ cao	02	
2	Máy vi tính (để bàn hoặc xách tay) tốc độ cao	03	
3	Máy ảnh	01	
4	Máy quay (chỉ áp dụng cho Trung tâm thông tin/ trung tâm xúc tiến viện trợ PCP thuộc Sở Ngoại vụ)	01	
5	Máy in phun màu A3 (chỉ áp dụng cho Trung tâm Thông tin thuộc Sở Ngoại vụ)	01	

PHỤ LỤC SỐ 10:

CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: chiếc/cái/bộ/hệ thống

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị/ Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
1	**Văn phòng HĐND và UBND huyện/thành phố**		
	Máy photocopy chuyên dụng	02	
	Máy scan chuyên dụng	01	
	Máy ảnh chuyên dụng	02	
	Máy quay video cầm tay	01	
	Máy đo khoảng cách	01	
	Máy in màu	02	
	Máy tính để bàn cấu hình cao	03	
	Máy chiếu	02	
	Máy lấy số xếp hàng tự động	01	
2	**VP huyện ủy/thành ủy**		
	Máy photocopy chuyên dụng	02	
	Máy scan chuyên dụng	01	
	Máy ảnh	02	
	Máy in màu A1	02	
	Máy in A3	02	
	Máy in A0	01	
	Máy tính xách tay cấu hình cao	05	
	Máy ghi âm	02	
	Máy in màu	01	
	Ổ cứng ngoài	02	
	Máy phát điện	01	
	Máy tính cấu hình cao	02	
	Máy chiếu	01	
3	**Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao**		
	Camera kỹ thuật số	04	
	Bộ dựng hình, bộ dựng phát thanh chuyên dụng	02	

	Máy tính dựng âm thanh Digital phi tuyến	01	
	Hệ thống thu-truyền phát thanh trực tuyến	01	
	Máy quay video chuẩn HD và phụ kiện	02	
	Máy quay video cầm tay	01	
	Tháp Anten	01	
	Máy phát sóng FM	01	
	Hệ thống cột phát sóng tam giác	01	
	Máy tính xách tay cho phóng viên tác nghiệp	01	
	Đầu đọc chuyên dụng	01	
	Máy ghi âm	02	
	Máy ảnh phóng viên	02	
	Ổ cứng ngoài	02	
	Máy ảnh	01	
	Máy đo độ ồn (đo âm thanh)	01	
	May đo cường độ sáng	01	
	Máy ảnh	02	
	Máy in màu	01	
	Đàn organ	01	
	Đàn ghi ta	01	
	Máy thu âm tuyên truyền	01	
	Thiết bị tuyên truyền lưu động	01	
	Máy quay video	02	
	Máy đo diện tích và thể tích	01	
	Camera kỹ thuật số chuẩn HD	03	
	Bộ dựng hình, dựng phát thanh chuyên dụng	02	
	Máy phát sóng FM	01	
	Hệ thống cột phát sóng tam giác (Tháp anten)	01	
	Máy tính sách tay cho phóng viên tác nghiệp	02	
	Đầu đọc chuyên dụng	01	
	Máy ghi âm	02	

	Hệ thống ghi hình di động	01	
	Hệ thống Flycam	01	
	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	01	
4	**Ban Quản lý dự án cấp huyện**		
	Máy thủy bình	02	
	Máy toàn đạc	01	
	Máy tính xách tay cấu hình cao	01	
	Máy photocopy chuyên dùng	01	
5	**Phòng Nội vụ**		
	Máy in màu A3 chuyên dụng	01	
6	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**		
	Máy in đen trắng đảo mặt A3	01	
	Máy toàn đạc điện tử	01	
	Máy quay video	01	
	Máy vi tính để bàn cấu hình cao, chạy ứng dụng phần mềm chuyên ngành, đo vẽ bản đồ, kỹ thuật	02	
	Máy tính xách tay tốc độ cao	01	
	Máy phô tô tốc độ cao	01	
	Máy in A3 tốc độ cao	01	
7	**Phòng Thanh tra**		
	Máy ảnh	01	
	Máy ghi âm	01	
	Máy đo khoảng cách	01	
	Thước lăn đo chiều dài	01	
	Máy khoan lấy mẫu bê tông, bê tông apphan	01	
	Thước cặp điện tử	01	
8	**Phòng Kinh tế hạ tầng**		
	Máy thủy bình	01	
	Súng đo cường độ bê tông	01	
	Máy ảnh	01	
	Thước kẹp Panme điện tử	02	

	Máy đo độ cao, độ võng cáp điện	01	
	Thước lăn đo chiều dài	01	
	Máy khoan lấy mẫu bê tông, bê tông apphan	01	
	Thước cặp điện tử	01	
	Máy tính cấu hình cao	01	
	Máy tính sách tay	01	
	Máy in mầu A3, A4	01	
	Máy photocopy chuyên dụng	01	
	Máy scan mầu A4 hai mặt tự động	01	
	Máy khoan bê tông điện dùng pin	01	
	Máy siêu âm cốt thép	01	
	Búa kiểm tra bê tông hiện trường	01	
	Kính soi vết nứt bê tông	01	
	Thiết bị kiểm tra vữa	01	
	Ống nhòm đo khoảng cách	01	
	Máy ảnh có chức năng quay phim	01	
	Máy siêu âm cốt thép	01	
	Thiết bị kiểm tra độ dạy của tôn	01	
	Cân bàn điện tử đối chứng	01	
	Thiết bị đo dòng điện rò	01	
	Thiết bị đo điện trở cách điện	01	
	Thiết bị thử độ lún của nền đường	01	
9	**Phòng Giáo dục và Đào tạo**		
	Máy photocopy chuyên dùng	01	
	Máy scan chuyên dùng	01	
	Máy in bằng tốt nghiệp THCS	01	
10	**Phòng Quản lý đô thị**		
	Máy ảnh	01	
	Máy thủy bình	01	
	Súng đo cường độ bê tông	01	
	Thước kẹp Panme điện tử	02	

Ghi chú: Danh mục này áp dụng chung cho cấp huyện. Việc trang bị căn cứ vào nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn kinh phí của từng huyện, thành phố.